

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103000385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 04 năm 2001, thay đổi lần thứ 8 ngày 4 tháng 1 năm 2008)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM

(Quyết định niêm yết số: 114 /QĐ-SGDHCM do Sở Giao Dịch Chứng Khoán
Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 10 năm 2008)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

Địa chỉ : KE A2/7 Tân Kiên – Bình Lợi, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.HCM
Điện thoại : (84.8) 8 770 062 – 8 770 755 Fax: (84.8) 8 770 093
Website : www.huulienachau.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN (SBS)

Trụ sở chính : 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 2 68 68 68 Fax: (08) 2 55 59 57
Website : www.sbsc.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Lê Anh Hải

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát

Số điện thoại: 08.9 770 755



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103000385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 04 năm 2001, thay đổi lần thứ 8 ngày 4 tháng 1 năm 2008)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM

(Quyết định niêm yết số: 114/QĐ-SGDHCM do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 10 năm 2008)



Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

Địa chỉ : KE A2/7 Tân Kiên – Bình Lợi, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.HCM
Điện thoại : (84.8) 8 770 062 – 8 770 755 Fax: (84.8) 8 770 093
Website : www.huulienachau.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN (SBS)

Trụ sở chính : 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP.HCM
Điện thoại : (08) 2 68 68 68 Fax: (08) 2 55 59 57
Website : www.sbsc.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông **Lê Anh Hải**

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát

Số điện thoại: 08.9 770 755



CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103000385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 04 năm 2001, thay đổi lần thứ 8 ngày 04 tháng 01 năm 2008)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu
Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
Giá dự kiến niêm yết : 26.500 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết : 19.000.000 cổ phần
Tổng giá trị niêm yết : 190.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

Trụ sở chính : Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ, P. Đakao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (08) 8 275 026
Fax : (08) 8 275 027
Email : dtlco@horwathdtl.com.vn
Web : www.horwathdtl.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

Trụ sở chính : 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 2 68 68 68
Fax : (08) 2 55 59 57
Email : info@sbsc.com.vn
Web : www.sbsc.com.vn

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1.	Rủi ro về kinh tế	6
2.	Rủi ro về luật pháp	7
3.	Rủi ro đặc thù	7
4.	Rủi ro khác	7
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	8
1.	Tổ chức niêm yết	8
2.	Tổ chức tư vấn	8
III.	CÁC KHÁI NIỆM	9
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	10
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	10
2.	Cơ cấu tổ chức Công ty	11
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	12
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông.	15
5.	Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết	16
6.	Hoạt động kinh doanh	16
6.1.	Sản lượng sản phẩm qua các năm	16
6.2.	Nguyên vật liệu	20
6.3.	Chi phí sản xuất:	22
6.4.	Trình độ công nghệ	22
6.5.	Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	25
6.6.	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ	26
6.7.	Hoạt động Marketing	26
6.8.	Nhãn hiệu thương mại	26
6.9.	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	27
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	28
7.1.	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2006, 2007	28
7.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo	29
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	30

8.1.	Vị thế của Công ty trong ngành	30
8.2.	Triển vọng phát triển của ngành	31
8.3.	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của nhà nước, và xu thế chung của thế giới:	33
9.	Chính sách đối với người lao động	34
9.1.	Số lượng người lao động trong Công ty:	34
9.2.	Chính sách đào tạo	34
9.3.	Chế độ nghỉ phép, lễ, tết:	35
9.4.	Bảo hiểm và phúc lợi:	35
9.5.	Tổ chức công đoàn:	35
10.	Chính sách cổ tức	35
11.	Tình hình hoạt động tài chính	36
11.1.	Các chỉ tiêu cơ bản	36
11.2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	41
12.	Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng	43
12.1.	Hội đồng quản trị	43
12.2.	Ban Tổng Giám đốc	52
12.3.	Ban kiểm soát	54
12.4.	Kế toán trưởng	59
13.	Tài sản	60
14.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong 2008 - 2010	61
15.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	63
16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	64
17.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	64
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	64
1.	Loại chứng khoán:	64
2.	Mệnh giá:	64
3.	Tổng số chứng khoán niêm yết:	64
4.	Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành	65
5.	Phương pháp tính giá:	66
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:	67
7.	Các loại thuế có liên quan	67

VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	69
1.	Tổ chức kiểm toán	69
2.	Tổ chức tư vấn	69
VII.	PHỤ LỤC	70
1.	Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.	70
2.	Phụ lục II: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.	70
3.	Phụ lục III: Điều lệ Công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết	70
4.	Phụ lục IV: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2006, kiểm toán năm 2007, kiểm toán hợp nhất năm 2007 và hợp nhất quý I, quý II năm 2008.	70
5.	Phụ lục V: Báo cáo Nguồn vốn kinh doanh của chủ sở hữu đã được kiểm toán đến 31/01/2008.	70
6.	Phụ lục VI: Cam kết của Công ty về điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.	70

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro kinh tế là tác động của những yếu tố vĩ mô như: tốc độ tăng trưởng kinh tế, tỷ giá hối đoái, lãi suất, lạm phát... Trong bản cáo bạch này, căn cứ lĩnh vực hoạt động kinh doanh đặc thù của Công ty, chúng tôi đề cập đến 2 yếu tố quan trọng có tác động chính lên hoạt động kinh doanh của Công ty là tốc độ tăng trưởng kinh tế và lạm phát.

Trong những năm gần đây, Chính phủ Việt Nam đã có những chính sách tích cực để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế như: tăng cường thu hút FDI, đẩy mạnh khuyến khích xuất khẩu, cải cách hành chính, điều chỉnh chính sách tiền tệ, hoàn thiện hệ thống luật pháp... Kết quả tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam luôn ổn định và đạt mức cao: năm 2004 là 7,7%, 2005 là 7,7%, 2006 là 8,2%, năm 2007 là 8,4%. Tuy nhiên, năm 2008, do tình hình lạm phát tăng nhanh, chỉ số giá tiêu dùng trong 6 tháng đầu năm 2008 tăng 18,44% so với tháng 12 năm 2007, Chính phủ đã sử dụng biện pháp thắt chặt tiền tệ để kiềm chế và kiểm soát lạm phát. Tăng trưởng GDP trong năm 2008 được điều chỉnh giảm từ 8,5% - 9% xuống còn khoảng 7%. Với sự tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ và sự nỗ lực, cố gắng khắc phục khó khăn của các cấp, các ngành, các địa phương nên tình hình kinh tế-xã hội 6 tháng đầu năm 2008 vẫn phát triển ổn định. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2008 ước tính tăng 6,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7% (Nguồn: Tổng cục Thống kê). Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước 6 tháng đầu năm nay tuy thấp hơn mức tăng cùng kỳ một số năm gần đây, nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới biến động phức tạp, kinh tế nhiều nước trong khu vực và trên thế giới suy giảm thì nền kinh tế Việt Nam đạt được tốc độ tăng như trên là một cố gắng rất lớn.

Nền kinh tế nói chung và ngành công nghiệp xây dựng nói riêng tăng trưởng nhanh đã có tác động tích cực đến môi trường kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành sản xuất và kinh doanh sản phẩm thép. HLAC là một Công ty chuyên sản xuất các sản phẩm thép phục vụ trong ngành công nghiệp xây dựng và cơ khí dân dụng, chế tạo máy nên triển vọng phát triển lạc quan của nền kinh tế trong những năm tới mang lại nhiều tiềm năng, cơ hội kinh doanh và sẽ là nhân tố thuận lợi cho Công ty tăng cường đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong thời gian tới, kinh tế Việt Nam được dự báo vẫn tiếp tục tăng trưởng, lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát. Bên cạnh đó, Công ty có kế hoạch sản xuất và nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào hợp lý, gắn kết với biến động của thị trường, vì vậy, sự ảnh hưởng của lạm phát đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giảm thiểu đáng kể.

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng và chi phối bởi luật doanh nghiệp, các quy định về thuế xuất nhập khẩu các quy định nhà nước trong lĩnh vực xây dựng và nhiều văn bản khác. Hệ thống văn bản vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, còn nhiều mặt hạn chế như: Hệ thống pháp luật Việt Nam còn chưa đồng bộ và nhất quán, các văn bản hướng dẫn chưa đầy đủ, thiếu tính cập nhật và còn chồng chéo, việc áp dụng pháp luật vào thực tế còn nhiều bất cập, tính thực thi chưa cao. Do vậy, nếu có sự thay đổi nào trong các quy định của những văn bản pháp luật trên sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Liên quan đến giá cổ phiếu, Công ty chịu ảnh hưởng bởi các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Hệ thống luật của Việt Nam hiện nay trong lĩnh vực chứng khoán còn chưa chặt chẽ nên rủi ro pháp lý liên quan đến giá cổ phiếu là rủi ro hệ thống. Tuy nhiên, Chính phủ luôn muốn duy trì phát triển ổn định trên thị trường chứng khoán nên rất thận trọng trong việc đưa ra các quy định về thị trường chứng khoán. Vì vậy, nhìn chung, khả năng rủi ro về luật pháp ở mức giới hạn và không nghiêm trọng.

3. Rủi ro đặc thù

Phần lớn sản phẩm của Công ty được sản xuất dựa vào nguyên vật liệu nhập khẩu từ nước ngoài. Chính vì vậy, khi giá nguyên vật liệu nhập khẩu bị biến động mạnh thì có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để khắc phục những ảnh hưởng do biến động giá, Công ty đã bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự, tăng cường công tác nghiên cứu – dự báo, cải tiến quy trình xây dựng kế hoạch sản xuất và điều độ nguyên vật liệu. Căn cứ vào các hợp đồng đã ký kết với khách hàng, nguồn nguyên vật liệu đang dự trữ, Công ty tiến hành ký hợp đồng nhập khẩu nguyên liệu với các công ty nước ngoài nhằm giảm thiểu sự ảnh hưởng do biến động giá. Ngoài ra, Công ty còn tăng cường mở rộng quan hệ với nhiều đối tác cung cấp nguyên vật liệu nhằm đa dạng hóa nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp nên có những rủi ro về tai nạn lao động, tai nạn nghề nghiệp, rủi ro cháy nổ. Nhằm hạn chế tối thiểu những rủi ro này, Công ty luôn quan tâm và có các biện pháp an toàn bảo hộ lao động cho công nhân, cũng như những quy định nghiêm ngặt về phòng chống cháy nổ. Và để hạn chế thiệt hại từ những rủi ro trên, Công ty đã thực hiện việc mua bảo hiểm lao động cho công nhân và bảo hiểm tài sản của Công ty.

4. Rủi ro khác

Các rủi ro khác là hiếm xảy ra, mang tính bất thường, ngoài tầm kiểm soát của Công ty, như: Chiến tranh, hỏa hoạn, động đất ... Đây là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình hoạt động của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

- | | |
|------------------------|-------------------------------------|
| - Ông Trần Xảo Cơ | Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| - Ông Trần Tuấn Nghiệp | Chức vụ: Tổng Giám đốc |
| - Ông Phan Văn Thơm | Chức vụ: Kế toán trưởng |
| - Ông Khưu Kim Hòa | Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được thông tin, hoặc đã điều tra và thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hồ Nam

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ niêm yết cổ phiếu do Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (SBS) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty	Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu
Tổ chức niêm yết	Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu
Hữu Liên Á Châu	Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu
HLAC	Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu
Cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu
Điều lệ	Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban kiểm soát
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
GCNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh
CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
KCS	Kiểm tra chất lượng sản phẩm
BCTC	Báo cáo tài chính

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Tên Công ty : Công ty Cổ Phần Hữu Liên Á Châu

Trụ sở chính : KE A2/7 Tân Kiên - Bình Lợi, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.HCM.

Văn phòng giao dịch : Phòng 8E, lầu 8, Toà nhà 33 tầng, số 6 Tôn Đức Thắng, Q.1, TP.HCM

Điện thoại : (84.8) 8 770 062 – 8 770 755

Fax: (84.8) 8 770 093

Website : www.huulienachau.com.vn

Tên giao dịch : ASIA HUU LIEN JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế : 0302290400

Tài khoản giao dịch số: 31010000134847 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh TP.HCM.

Thương hiệu Hữu Liên chính thức có mặt trên thị trường từ năm 1978 bắt đầu từ mô hình hoạt động của một cơ sở sản xuất các loại phụ tùng xe đạp, xe máy như: xích, lốp, cãm xe và đây là một trong những doanh nghiệp hiếm hoi thuở đó sản xuất những sản phẩm phụ tùng cho xe máy và xe đạp. Chỉ trong vòng 2 năm, cơ sở sản xuất được mở rộng, quy mô lớn hơn với hơn 100 nhân viên. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam, tổ sản xuất Hữu Liên phát triển mạnh về cả sản lượng và quy mô sản xuất thành Xí nghiệp Tư doanh Hữu Liên.

Đến ngày 4/4/1992, Xí nghiệp Tư doanh Hữu Liên lấy tên là doanh nghiệp Tư nhân Hữu Liên, đồng thời mở rộng phạm vi kinh doanh sang các lĩnh vực sản xuất sản phẩm cơ khí tiêu dùng, cán kéo kim loại đen, sản xuất nhựa, sản xuất ống thép các loại, kinh doanh thương mại mua bán phục vụ sản xuất, đại lý ký gởi các loại hàng hóa. Và 7 năm sau đó, khi ở Việt Nam bắt đầu có những cơ sở sản xuất ống thép thì Hữu Liên Á Châu đã trở thành doanh nghiệp đầu tiên có thể sản xuất ống thép với quy mô công nghiệp.

Ngày 20/4/2001 mang một dấu ấn đặc biệt trong quá trình phát triển của Hữu Liên Á Châu khi Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với trụ sở chính đặt tại KE A2/7 Tân Kiên-Bình Lợi, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.HCM (theo Giấy CNĐKKD số 4103000385 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh với vốn điều lệ là 5 tỷ đồng và 9 cổ đông sáng lập). Cho đến thời điểm hiện nay, ống thép là sản phẩm chủ lực của công ty Hữu Liên Á Châu với doanh thu và sản lượng hàng năm của ngành hàng ống chiếm trên 2/3 tổng doanh thu của nhà máy. Sản phẩm ống thép của Công ty phong phú với các sản phẩm như ống thép tròn, ống oval, ống chữ D, ống vuông. Độ dày thành ống hiện nay của Công ty sản xuất cũng rất đa dạng, từ 0,7 mm đến 3,5 mm với nhiều quy cách khác nhau tương ứng với nhu cầu của khách hàng.

Năm 2002, Công ty tăng vốn điều lệ lên 30 tỷ đồng. Năm 2003, Công ty nâng mức vốn lên 60 tỷ đồng. Đến năm 2004, vốn điều lệ Công ty đã đạt mức 100 tỷ đồng và năm 2006, để đáp ứng nhu cầu thị trường và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, vốn điều lệ Công ty được nâng lên đến 140 tỷ đồng.

Năm 2007 là năm Công ty có nhiều sự kiện quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty tiếp

tục mở rộng các hoạt động kinh doanh. Công ty đã ký kết hợp tác chiến lược với 6 nhà đầu tư chiến lược là các Công ty địa ốc, Ngân hàng và Công ty tài chính để tăng vốn điều lệ thêm 50 tỷ đồng nhằm đầu tư cho Dự án dây chuyền cán ủ mới nhằm chủ động hơn trong vấn đề nguyên vật liệu. Công ty cũng đã mở rộng hoạt động sản xuất – kinh doanh sang một số lĩnh vực mới như: Kinh doanh bất động sản, đầu tư tài chính. Ngoài ra, để sản xuất thêm các sản phẩm từ thép và inox, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty CP Minh Hữu Liên với vốn góp chiếm 61,54% tổng vốn điều lệ. Tính đến ngày 04 tháng 01 năm 2008, vốn điều lệ Công ty đạt mức 190 tỷ đồng.

Ngày 16/06/2003, Công ty đã xây dựng thành công hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 : 2000 với Giấy chứng nhận số HT 508.03.17 do Trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn QUACER cấp. Về hoạt động kinh doanh và phân phối sản phẩm, Công ty CP có hệ thống đại lý rộng khắp cả nước, sản phẩm của Công ty đã được tín nhiệm tại thị trường trong nước, đồng thời đã xuất khẩu sang các nước khu vực Đông Nam Á. Công ty đã đăng ký nhãn hiệu hàng hóa tại Việt Nam vào tháng 03 năm 2003 và tại các nước: Myanma, Lào, Thái Lan, Australia, Singapore vào tháng 04 năm 2005.

Ngành nghề kinh doanh

Căn cứ Giấy CNĐKKD số 4103000385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp, ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ Phần Hữu Liên Á Châu như sau:

- Sản xuất sản phẩm cơ khí;
- Cán kéo kim loại;
- Mua bán máy móc thiết bị phục vụ sản xuất xây dựng, nguyên vật liệu, hoá chất (trừ những hoá chất có tính độc hại mạnh), hạt nhựa phân bón, hàng điện, điện tử gia dụng, bách hoá, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất;
- Đại lý ký gửi hàng hoá;
- Dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh bất động sản.

Công ty chuyên sản xuất và kinh doanh các loại các sản phẩm ống thép, ống inox, xà gồ thép,... sử dụng trong lĩnh vực xây dựng và trang trí nội thất. Đặc biệt là hàng Inox chất lượng cao, là mặt hàng đầu tiên tại Việt Nam được Công ty đưa vào sản xuất theo qui mô công nghiệp với công nghệ hiện đại của nước ngoài, đảm bảo đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật và thẩm mỹ, được người tiêu dùng đánh giá cao.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty cổ phần Hữu Liên Á Châu được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005.

Cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty mẹ, Công ty con và Văn phòng đại diện. Hiện nay, HLAC có 2 Công ty con là Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên với vốn góp của Công ty chiếm 61,54% /tổng vốn điều lệ và Công ty cổ phần đầu tư Hữu Liên trong đó HLAC

góp 83,33%/tổng vốn điều lệ. Văn phòng đại diện của Công ty đặt tại Phòng 806, Lầu 8, Sài Gòn Trade Center – 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, quyết định những vấn đề thuộc quyền và nhiệm vụ được luật pháp, Điều lệ công ty quy định.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị công ty có 5 thành viên và có nhiệm kỳ là 5 năm.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện giám sát trong việc quản lý và điều hành công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Ban kiểm soát có 3 thành viên và có nhiệm kỳ tương ứng theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

Ban Tổng Giám đốc: Bao gồm Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Giám đốc kinh doanh và Giám đốc sản xuất – kỹ thuật.

Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông về quản lý và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có Giám đốc Kinh doanh, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Sản xuất - Kỹ thuật.

Phòng kinh doanh

Nhận đơn hàng; Bán hàng; Nhận thông tin phản hồi từ khách hàng; Giải quyết các khiếu nại, đàm phán với khách hàng.

Phòng hành chính

Giải quyết các vấn đề về nhân sự; phụ trách lương, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội cho công nhân viên Công ty.

Phòng quản lý chất lượng

Theo dõi và quản lý chất lượng của nguyên vật liệu, vật tư, thành phẩm; kiểm tra chất lượng sản phẩm từ khâu mua vật tư đến khâu nhập kho thành phẩm; đảm bảo hàng hoá, sản phẩm, nguyên vật liệu đáp ứng đủ chất lượng; trên cơ sở đó cấp giấy chứng nhận chất lượng cho sản phẩm khi xuất xưởng.

Kho thành phẩm

Lưu giữ và bảo quản thành phẩm.

Kho vật tư

Lưu giữ và bảo quản nguyên vật liệu.

Phân xưởng sản xuất

Thực hiện sản xuất theo kế hoạch các loại sản phẩm.

Phòng kế toán

Các công việc liên quan đến kế toán; thực hiện các chức năng quản lý tài chính kế toán theo qui định; thiết lập và lưu giữ hồ sơ; cung cấp số liệu cho các bộ phận và các cơ quan chức năng

Phòng thống kê

Thống kê số liệu để cung cấp dữ liệu cho Phòng kế hoạch lập kế hoạch.

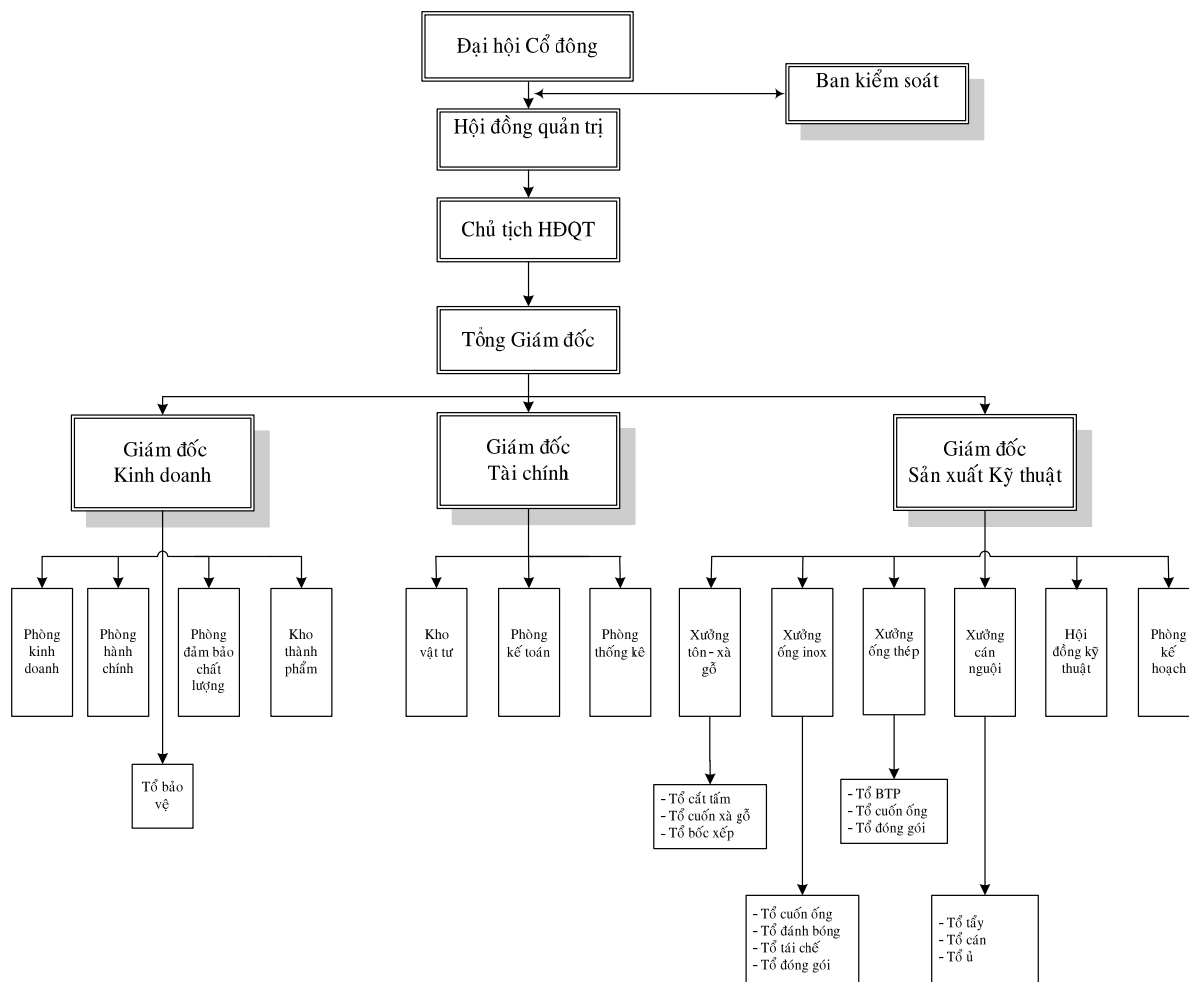
Phòng kế hoạch

Lập kế hoạch sản xuất và bổ sung những đơn hàng mới; theo dõi tình hình nguyên liệu để kịp thời điều chỉnh kế hoạch sản xuất theo tình hình thực tế; theo dõi và xúc tiến công tác bảo trì, sửa chữa tại đơn vị phụ trách; giải quyết các sự cố trong đơn vị; hướng dẫn thực hiện quy trình sản xuất để đảm bảo chế độ an toàn lao động, phòng chống cháy nổ; hướng dẫn công việc, thủ tục và kế hoạch kiểm soát chất lượng.

Hội đồng kỹ thuật

Giám sát tình hình thực hiện công tác bảo trì tại các phân xưởng sản xuất, tổ sửa chữa; Điều phối và giám sát công tác sửa chữa; tổng hợp kế hoạch sửa chữa lớn, lắp đặt và nghiệm thu thiết bị trước khi đưa vào sản xuất; quản lý công tác bảo trì sửa chữa do bên ngoài thực hiện; lập kế hoạch bảo trì máy móc đúng định kỳ; lưu trữ các tài liệu kỹ thuật của Công ty; bảo quản các dụng cụ, thiết bị được giao.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông.

Bảng: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ Công ty (tính đến ngày 30/08/2008)

STT	Họ tên	Địa chỉ	CMND/ĐKKD	Số lượng CP	Tỷ lệ (%)
1	Trần Xảo Cơ	331 Trần Hưng Đạo, P.10, Quận 5, TP.HCM	021616925	5.000.000	26,32
2	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP.HCM	059002	2.000.000	10,53
3	Trần Tuấn Nghiệp	331 Trần Hưng Đạo, P.10, Quận 5, TP.HCM	023097413	1.000.000	5,26
4	Trần Tuấn Minh	331 Trần Hưng Đạo, P.10, Quận 5, TP.HCM	023543525	1.000.000	5,26
Tổng cộng				9.000.000	47,37

Nguồn: Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

Hạn chế nắm giữ cổ phần của cổ đông sáng lập: Do Công ty được thành lập vào năm 2001 (Căn cứ Giấy CNĐKD số 4103000385 ngày 20/04/2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp), nên theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, các hạn chế về cổ phần của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

Bảng: Cơ cấu cổ đông (tính đến ngày 30/08/2008)

STT	Cơ cấu Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng CP nắm giữ	100%
I.	Tổ chức	8	4.867.800	25,62
1.	Trong nước	7	4.817.800	25,36
2.	Ngoài nước	1	50.000	0,26
II.	Cá nhân	228	14.132.200	74,38
1.	Trong nước	227	14.129.200	74,36
2.	Ngoài nước	1	3.000	0,02
	Tổng cộng	235	19.000.000	100

Nguồn: Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết

- **Danh sách Công ty mẹ của tổ chức niêm yết:** Không có

- **Danh sách Công ty con của tổ chức niêm yết:**

a. Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên được đăng ký thành lập lần đầu vào ngày 30/08/2007 theo Giấy CNĐKKD số: 4103007675 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh.

Địa chỉ trụ sở chính: KE A2/7 Tân Kiên – Bình Lợi, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân.

Điện thoại: 08 877 11 94 Fax: 08 877 04 43

Website: www.minghuulien.com.vn

Đại diện theo pháp luật: Trần Tuấn Minh – chức vụ: Giám đốc.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, mua bán sản phẩm gia dụng: Bàn, ghế, xe đẩy, tủ, kệ bằng kim loại.

Vốn điều lệ: 6.500.000.000 đồng (sáu tỷ năm trăm triệu đồng), trong đó Công ty HLAC góp 4.000.000.000 đồng, tương đương 400.000 cổ phần chiếm 61,54% vốn điều lệ.

b. Công ty cổ phần đầu tư Hữu Liên

Công ty cổ phần đầu tư Hữu Liên đăng ký thành lập lần đầu vào ngày 15/07/2008 theo Giấy CNĐKKD số: 4103010815 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh.

Địa chỉ trụ sở chính: C10/8D Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh.

Đại diện theo pháp luật: Lương Tấn Kiệt – chức vụ: Giám đốc.

Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn máy móc, thiết bị sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng. Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện. Đại lý bán hàng hường hoa hồng. Kinh doanh bất động sản. Môi giới bất động sản. Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản.

Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng), trong đó HLAC góp 83,33% vốn điều lệ - tương đương 5 tỷ đồng nhằm thực hiện dự án khu phức hợp Hữu Liên Á Châu.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản lượng sản phẩm qua các năm

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm ống thép, ống inox, xà gồ thép, ... sử dụng trong lĩnh vực xây dựng và trang trí nội thất. Đặc biệt, mặt hàng Inox chất lượng cao, đây là mặt hàng lần đầu tiên tại Việt Nam được Công ty đưa vào sản xuất theo qui mô công nghiệp với công nghệ hiện đại của nước ngoài, đảm bảo đầy đủ các yêu cầu kỹ

thuật và thẩm mỹ, được người tiêu dùng đánh giá cao. Các nhóm chủng loại sản phẩm chính của Công ty hiện nay bao gồm:

6.1.1. Ống thép đen



Sản phẩm ống thép đen có nhiều hình dáng và kích cỡ: vuông, tròn, đen, oval.... Ống thép đen được sử dụng rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực: Trang trí nội thất, xây dựng, công nghiệp, chế tạo xe máy, dẫn nước... Ống thép đen là sản phẩm chủ lực của Công ty, năm 2007 doanh thu đạt 602,45 tỷ đồng, chiếm khoảng 58,50% tổng doanh thu thuần.

6.1.2. Ống Inox:



Sản phẩm dùng trong xây dựng, trang trí nội thất và chuyên dụng dùng trong công nghiệp (vận chuyển chất lỏng, vận chuyển khí gas, dùng trong các nhà máy sản xuất sản phẩm hóa dầu, nhà máy sản xuất bột giấy, nhà máy sản xuất thức uống, nhà máy điện...). Doanh thu năm 2007 đạt 121,25 tỷ đồng chiếm 11,77% tổng doanh thu thuần.

6.1.3. Xà gỗ thép:



Sản phẩm có nhiều hình dáng và kích cỡ: Vuông, tròn, đen, oval, ... phục vụ chủ yếu cho lĩnh vực xây dựng. Năm 2007, tỷ trọng doanh thu chiếm 2,22% tổng doanh thu thuần đạt mức 22,83 tỷ đồng.

6.1.4. Hoạt động thương mại

Hoạt động thương mại mua bán hàng hóa của Công ty chiếm tỷ trọng lớn, với mức tổng doanh thu đạt 277 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 26,90% tổng doanh thu thuần.

6.1.5. Sản phẩm và dịch vụ khác

Cung cấp dịch vụ và các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể khoảng 0,61% tổng doanh thu thuần năm 2007.

Hiện nay, HLAC đã thiết lập được một hệ thống đại lý phân phối rộng khắp cả nước, sản phẩm của Công ty đã được sự tín nhiệm của người tiêu dùng trong và ngoài nước đặc biệt là trong khu vực Đông Nam Á.

Bảng: Cơ cấu sản lượng theo sản phẩm – dịch vụ

STT	Sản phẩm	Năm 2006		Năm 2007		30/06/2008	
		Sản lượng (1.000 kg)	Tỷ lệ % Sản lượng	Sản lượng (1.000 kg)	Tỷ lệ % Sản lượng	Sản lượng (1.000 kg)	Tỷ lệ % Sản lượng
1	Ống thép đen	45.796	59,45	56.884	50,40	33.433	55,43%
2	Ống Inox	2.349	3,05	3.003	2,66	1.707	2,83%
3	Xà gỗ thép	2.205	2,86	2.503	2,22	1.351	2,24%
4	Các sản phẩm khác và hoạt động khác	26.688	34,64	50.475	44,72	23.830	39,51%
Tổng cộng		77.039	100,00	112.865	100,00	60.321	100,00

Nguồn: Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

Bảng Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm – dịch vụ

STT	Sản phẩm – Dịch vụ	Năm 2006		Năm 2007		30/06/2008	
		Doanh thu thuần (triệu đồng)	Tỷ lệ % Doanh thu thuần	Doanh thu thuần (triệu đồng)	Tỷ lệ % Doanh thu thuần	Doanh thu thuần (triệu đồng)	Tỷ lệ % Doanh thu thuần
1	Ổng thép đen	418.243	54,48	602.455	58,50	457.901	51,25%
2	Ổng Inox	96.357	12,55	121.258	11,77	75.748	8,48%
3	Xà gỗ thép	18.563	2,42	22.827	2,22	15.600	1,75%
4	Các sản phẩm khác và hoạt động khác	234.583	30,55	283.335	27,51	344.175	38,52%
Tổng cộng		767.746	100,00	1.029.875	100,00	893.424	100,00

Nguồn: Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

Bảng Cơ cấu lợi nhuận theo sản phẩm – dịch vụ

STT	Sản phẩm – Dịch vụ	Năm 2006		Năm 2007		30/06/2008	
		Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	Tỷ lệ % Lợi nhuận	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	Tỷ lệ % Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	Tỷ lệ % Lợi nhuận trước thuế
1	Ổng thép đen	1.300	10,64	24.915	50,92	35.052	88,17%
2	Ổng Inox	4.461	36,52	2.052	4,20	902	2,27%
3	Xà gỗ thép	1.100	9,01	827	1,69	802	2,02%
4	Các sản phẩm và hoạt động khác	5.353	43,83	21.132	43,19	3.000	7,55%
Tổng cộng		12.214	100,00	48.926	100,00	39.756	100,00

Nguồn: Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

Do sản phẩm được tạo ra từ công ty con khác với sản phẩm được tạo ra từ công ty mẹ nên số liệu năm 2007 trên được lấy từ số liệu tài chính của công ty mẹ.

Thị trường tiêu thụ

Năm 2007, các sản phẩm chủ yếu được tiêu thụ ở thị trường trong nước với doanh thu đạt khoảng 921 tỷ đồng, tương ứng 89% tổng doanh thu thuần của HLAC. Thị trường tiêu thụ của Công ty tập trung chủ yếu ở miền Nam và miền Trung với tỷ lệ tương ứng 81% và 8% trên tổng doanh thu thuần. Doanh thu xuất khẩu đạt khoảng 112 tỷ đồng, chiếm 11% tổng doanh thu thuần với thị trường chủ yếu là Campuchia, Úc và Singapore, trong đó thị trường Campuchia chiếm tỷ trọng lớn nhất (trên 80% doanh thu thuần xuất khẩu).

6.2. Nguyên vật liệu

6.2.1. Nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, phần lớn nguyên vật liệu được nhập khẩu từ nước ngoài. Công ty xây dựng các tiêu chí đánh giá và lựa chọn nhà cung ứng đối với từng loại sản phẩm nhằm đảm bảo nguồn nguyên vật liệu đầu vào phù hợp về chất lượng, giá cả và đáp ứng được nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty. Tình hình biến động giá cả nguyên vật liệu chính trong 3 năm từ 2005 – 2007 như sau:

Bảng: Giá nguyên vật liệu trung bình qua các năm 2005 – 2007 của thị trường thế giới

Tên NVL	2005	2006	2007
Thép đen (đồng/kg)	8.510	7.489	9.050
Inox (đồng/kg)	37.225	22.223	36.533

Nguồn: Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

Dữ liệu trên cho thấy giá nguyên vật liệu năm 2007 tăng nhanh so với năm 2006. Giá thép đen tăng 1.561 đồng/kg tương ứng 20,84%, giá Inox tăng nhanh hơn 14.310 đồng/kg tương ứng 64,39% so với năm 2006.

Bảng: So sánh giá thành và giá bán trung bình của sản phẩm qua các năm 2005 – 2007

Tên sản phẩm	2005			2006			2007		
	Giá thành	Giá bán	Tỷ lệ % chênh lệch	Giá thành	Giá bán	Tỷ lệ % chênh lệch	Giá thành	Giá bán	Tỷ lệ % chênh lệch
Ống thép đen (đồng/kg)	10.255	10.150	-1,02	8.587	9.114	6,14	10.217	10.841	6,11
Ống Inox (đồng/kg)	43.572	41.352	-5,09	36.798	41.015	11,46	41.721	42.229	1,22

Nguồn: Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

6.2.2. Sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu của Công ty, chủ yếu là thép đen và thép Inox, phải nhập khẩu từ các nhà cung cấp lớn ở nước ngoài có quan hệ lâu năm với Công ty tại Trung Quốc (Foshan Gaoming Foundation Cold Rolled Steel Sheets Industry Co., Ltd, Foshan Native Produce Import & Export Co., Ltd of Guangdong, ChinaSteels), Đài Loan (Chung Hung Steel Corporation, Asia United International Trading Limited), Singapore (Stemcor (S.E.A) Pte Ltd., KGGD Pte Ltd), Nhật Bản (NipponSteels (JaPan))... Đây cũng là nơi có các nhà sản xuất nguyên vật liệu thép lớn trên thế

giới. Ngoài ra, với chính sách đánh giá, dự báo thị trường đã giúp Công ty chủ động được nguồn nguyên liệu sản xuất, đảm bảo sản xuất kinh doanh liên tục.

6.2.3. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Do phần lớn nguyên vật liệu nhập khẩu từ các nhà cung cấp nước ngoài nên sự biến động giá nguyên vật liệu trên thị trường (do cước vận chuyển, tỷ giá, giá bán của nhà cung cấp tăng,...) sẽ ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2005, giá nguyên vật liệu biến động mạnh ảnh hưởng không tốt đến lợi nhuận Công ty, tuy nhiên, để đảm bảo giữ vững thị phần và chất lượng cạnh tranh, Công ty vẫn giữ nguyên giá bán và chấp nhận không có lãi, thậm chí lỗ. Vì vậy, Công ty đã duy trì được thế cạnh tranh bền vững và nâng cao uy tín, tạo tiền đề phát triển vững mạnh trong những năm kế tiếp.

Năm 2006, giá nguyên vật liệu ổn định hơn, Công ty đã bắt đầu chủ động cân đối được giá bán và giá thành. Năm 2006, giá nguyên vật liệu của thép đen giảm 12% so với năm 2005 làm giảm giá thành 16,27% và giá bán cũng giảm ở mức 10,21% so với năm 2005; tỷ lệ chênh lệch giữa giá bán và giá thành của ống thép đen và ống Inox năm 2006 là 6,14% và 11,46% so với (-1,02%) và (-5,09%) của năm 2005. Vì vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh có nhiều thuận lợi hơn, trong năm 2006 Công ty đã đạt được lợi nhuận.

Năm 2007, giá nguyên liệu thép đen và Inox tăng tương ứng ở mức 20,84% và 64,39% so với năm 2006 làm giá thành của ống thép đen và Inox tăng 18,98% và 13,38%. Tỷ lệ chênh lệch giữa giá bán và giá thành của ống thép đen trong năm 2007 là 6,11%, trong khi tỷ lệ này đối với mặt hàng ống Inox chỉ đạt 1,22%.

Phân tích trên cho thấy đối với mặt hàng ống Inox, trong khi giá nguyên vật liệu năm 2007 tăng cao ở mức 64,39% so với năm 2006, làm cho giá thành tăng 13,38% thì chênh lệch giữa giá bán và giá thành chỉ đạt mức 1,22%. Vì vậy, để đảm bảo lợi nhuận và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã điều chỉnh cơ cấu sản phẩm, theo đó đã tăng tỷ trọng mặt hàng ống thép đen trong năm 2007 và năm 2008.

6.3. Chi phí sản xuất:

Đặc điểm của ngành sản xuất sắt thép là chi phí đầu tư ban đầu và nguồn vốn cho nguyên vật liệu rất lớn. Nguyên vật liệu chính cho sản xuất phải nhập khẩu 100% từ nước ngoài. Chính điều này đã tạo nên những thuận lợi và khó khăn cho Công ty trong quá trình hoạt động.

Bảng: Cơ cấu chi phí của Công ty năm 2006 – 2007

ĐVT: 1.000 VND

Yếu tố	Năm 2006		Năm 2007	
	Giá trị	% doanh thu thuần	Giá trị	% doanh thu thuần
Giá vốn hàng bán	720.833.641	93,89	931.784.389	90,29
Chi phí tài chính	25.987.061	3,3	32.451.213	3,14
Chi phí bán hàng	787.990	0,10	4.919.138	0,48
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.117.135	1,19	16.716.092	1,62
Chi phí khác	1.404.615	0,18	3.469.720	0,33

Nguồn: BCTC năm 2006 và hợp nhất năm 2007 đã kiểm toán của Công ty CP HLAC

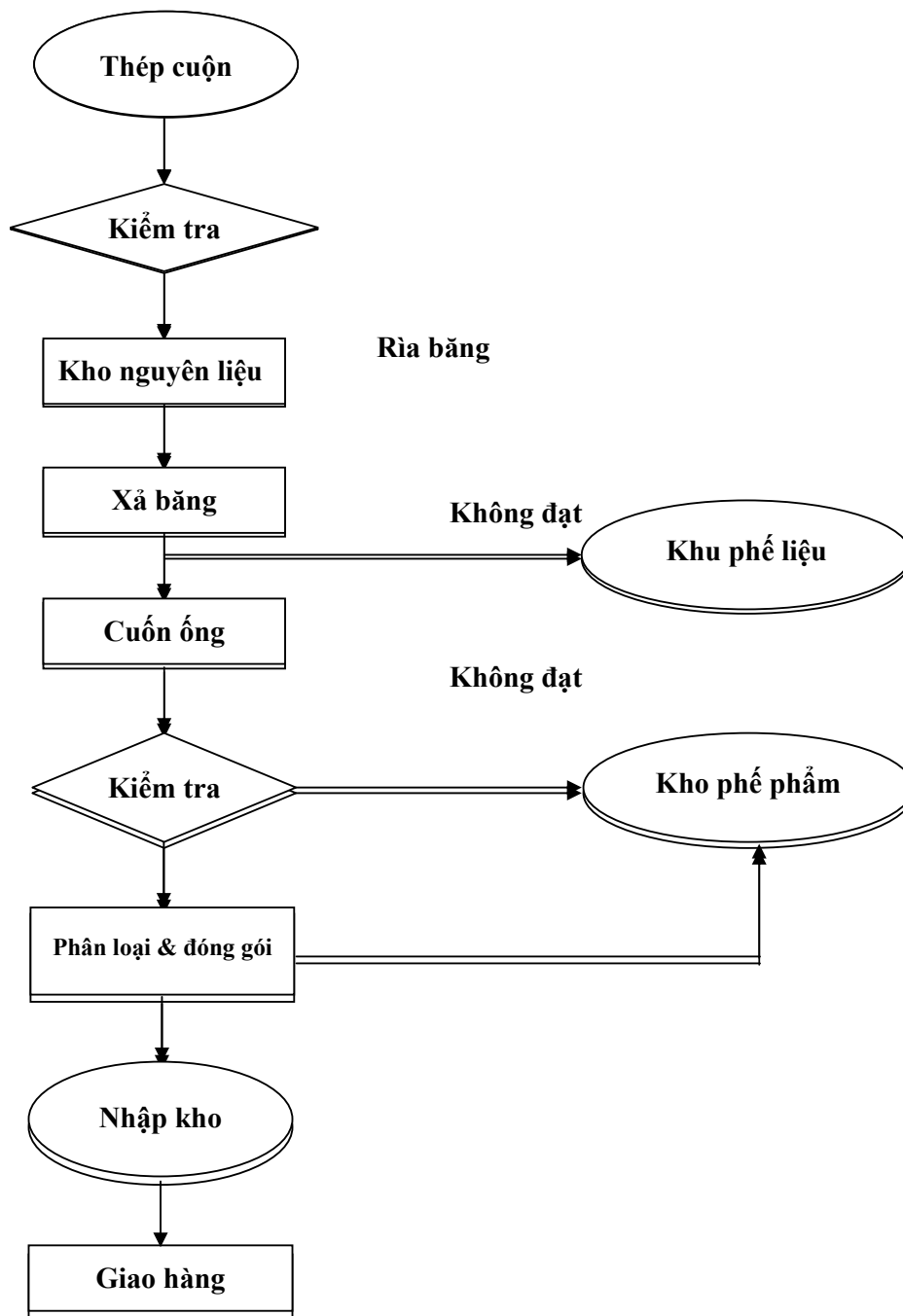
Năm 2007, tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần giảm 3,83%, điều này thể hiện sự tiến bộ, hiệu quả trong công tác quản lý chi phí, đặc biệt là chi phí nguyên vật liệu trong tình hình lạm phát tăng. Chi phí quản lý và chi phí bán hàng cũng có sự thay đổi theo hướng tích cực, chi phí quản lý năm 2007 chiếm 1,62% tổng doanh thu thuần so với 1,19% của năm 2006 do tăng quy mô sản xuất và tăng chi phí do ứng dụng các phương pháp mới trong quản lý nhân sự; chi phí bán hàng chiếm 0,48% tổng doanh thu cao hơn mức 0,10% của năm 2006 do Công ty đẩy mạnh công tác quảng cáo và quảng bá thương hiệu nhằm mở rộng thị phần.

Tổng chi phí trong năm 2007 ở mức 95,86% doanh thu thuần là một mức chi phí có thể chấp nhận được trong ngành sản xuất và kinh doanh thép.

6.4. Trình độ công nghệ

Phát triển công nghệ luôn là yếu tố hàng đầu được Công ty quan tâm đầu tư phát triển. Công ty đang sử dụng dây chuyền sản xuất hiện đại của Nhật Bản và phần lớn máy móc thiết bị mới 100% được nhập từ Đài Loan đáp ứng hệ thống tiêu chuẩn về chất lượng. Công ty đã được cấp chứng nhận ISO 9001-2000 tại Chứng nhận số: HT 508/1.06.17 có giá trị đến 09/04/2009 của Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng – Trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn. Sau đây là một quy trình sản xuất tiêu biểu:

QUY TRÌNH SẢN XUẤT SẢN PHẨM ỐNG THÉP



THUYẾT MINH QUY TRÌNH SẢN XUẤT ỐNG THÉP

Kho nguyên liệu:

- Tất cả các loại nguyên liệu trước khi nhập xuất đều được kiểm tra chặt chẽ theo những qui định của Công ty (số lượng, trọng lượng, chất lượng, ngoại quan...).

Công đoạn xả băng:

- Thép cuộn được đưa vào máy xả băng để cắt thành các băng có qui cách khác nhau.

Công đoạn cuộn ống:

- Dựa vào qui cách băng khác nhau để sản xuất các ống có hình dạng (tròn, hộp, oval, chữ D) và kích thước khác nhau.

Công đoạn kiểm tra:

- Ống được tổ máy và KCS kiểm tra chất lượng (độ thẳng, kích thước, độ oval, đường hàn....) trước khi cho sản xuất hàng loạt
- KCS kiểm tra xác suất chất lượng sản phẩm bằng các thiết bị thích hợp trong quá trình sản xuất theo tiêu chuẩn cơ sở công bố TC01/2004/HLAC, TC02/2004/HLAC, hướng dẫn công việc kiểm tra chất lượng sản phẩm (HD-07) và kế hoạch kiểm soát chất lượng ống thép (KH-02)
- Những ống đạt chất lượng được phép chuyển đến công đoạn sau; còn những ống không đạt chất lượng được để gần băng nhận biết và tiến hành xử lý theo thủ tục xử lý sản phẩm không phù hợp (TT-10)

Phân loại và đóng gói:

- Ống được phân loại trước khi chuyển qua công đoạn đóng gói.
- Tùy theo từng loại độ dày và qui cách ống mà chọn dây đai phù hợp (dây dù hoặc dây thép) và số lượng ống cho từng bó.
- Thành phẩm sau khi vô bao được sắp xếp theo từng khu vực và có dấu hiệu nhận biết.

Nhập kho thành phẩm:

- Thành phẩm sau khi vô bao được chuyển qua kho thành phẩm, và được kiểm tra chặt chẽ trước khi nhập kho.

Giao hàng:

Thủ kho có trách nhiệm kiểm tra lệnh giao hàng (số lượng, loại nguyên liệu, ...) trước khi giao hàng cho khách hàng.

Ngoài ra, Công ty còn trang bị một số máy móc, thiết bị tiên tiến, hiện đại, luôn trong tình trạng sử dụng tốt.

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ (tỷ đồng)	XUẤT XỨ	NĂM SẢN XUẤT	CÔNG SUẤT (KW)	NGÀY NHẬP XƯỞNG
1	Máy cuốn hàn ống thép YC70	03	6	Đài Loan	1998÷2003	360	1998÷2003
2	Máy cuốn hàn ống thép YC50	07	14	Đài Loan	1999÷2004	270	1999÷2004
3	Máy cuốn hàn ống inox YC70	03	3,7	Đài Loan	2001÷2004	64	2002÷2006
4	Máy cuốn hàn ống inox YC50	06	5,9	Đài Loan	2000÷2004	51	2000÷2006
5	Máy cuốn hàn ống inox YC40	07	5,97	Đài Loan	1999÷2004	42	1999÷2006
6	Máy xà băng 250	01	4,2	Đài Loan	2004	256	2005
7	Máy cán khổ 600	01	9,7	Trung Quốc	2007	1933	2007
8	Lò ủ 30 tấn	04	4,8	Trung Quốc	2007÷2008	500	2007÷2008
9	Lò ủ 30 tấn	02	5	Trung Quốc	2007	800	2007

Nguồn: Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Công ty luôn chú trọng đầu tư nghiên cứu phát triển sản xuất nhiều sản phẩm mới, chất lượng, đa dạng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Hiện nay, Công ty đang triển khai thực hiện Dự án đầu tư quy trình cán ủ mới, sản phẩm là thép cán nguội với các kích cỡ rộng từ 600mm x cuộn có độ dày từ 0,6mm đến 1,5mm. Chất lượng đảm bảo đạt tiêu chuẩn cao nhất về độ bền và khả năng chịu lực nén cao.

Ngoài ra, Công ty còn thực hiện đa dạng hoá sản phẩm:

- Sản xuất thêm nhiều chủng loại ống thép, sản xuất các loại ống thép có đường kính lớn phục vụ cho các ngành công nghiệp như ống dẫn dầu, ống dẫn khí...
- Cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm để mở rộng thị trường và tạo thế cạnh tranh lâu dài.
- Sản phẩm Inox của Công ty rất đa dạng và phong phú về chủng loại, các sản phẩm từ Ø8 đến Ø114 với độ dày từ 0,5mm đến 2,0mm.
- Công ty cũng đã tăng cường gia tăng sản xuất ống Inox không gỉ để luôn đáp ứng nhu cầu của thị trường.

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

6.6.1. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Công ty đang áp dụng hệ thống tiêu chuẩn về chất lượng được cấp chứng nhận ISO 9001-2000 theo Giấy chứng nhận số HT 505.03.17 do Trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn Quacert cấp ngày 16/06/2003, sản xuất sản phẩm đáp ứng mọi yêu cầu của thị trường.

6.6.2. Bộ phận kiểm tra chất lượng

Quy trình kiểm tra chất lượng bắt đầu từ khâu nhập nguyên vật liệu đến khâu nhập kho thành phẩm đều phải qua hệ thống quản lý chất lượng của Công ty theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000 nhằm luôn đảm bảo chất lượng sản phẩm tiêu thụ tại thị trường nội địa và xuất khẩu. Tất cả các sản phẩm của Công ty khi xuất xưởng phải đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001-2000.

6.7. Hoạt động Marketing

Với chính sách hướng về thị trường, Công ty luôn quan tâm đến công tác điều tra nghiên cứu để cập nhật thông tin mới nhất về diễn biến thị trường và nhu cầu khách hàng. Công tác Marketing của Công ty được phát triển rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng như: báo, tạp chí, truyền hình... Dựa trên những thông tin điều tra kết hợp với thế mạnh về thiết bị, nhân lực, Công ty xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển một số mặt hàng chủ lực.

Hiện nay, Công ty xúc tiến thành lập bộ phận chuyên trách Marketing và phát triển thương hiệu. Trong tương lai, Công ty sẽ chú trọng hoạt động kinh doanh, phân phối sản phẩm, phát triển thị trường và phát triển thương hiệu để thực hiện một số định hướng chiến lược sau:

- Duy trì, giữ vững vị trí dẫn đầu Việt Nam về ngành hàng ống thép, phát triển mạnh mẽ ngành hàng ống Inox và ngành thép thương mại (thép cuộn và thép tấm).
- Phát triển và mở rộng mạng lưới phân phối theo chiều sâu, đồng thời gia tăng mạng lưới phân phối xuất khẩu ra thị trường nước ngoài.

6.8. Nhãn hiệu thương mại

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận nhãn hiệu hàng hoá số 76884 theo quyết định số 11805/QĐ-SHTT, ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Cục Sở Hữu Trí Tuệ



6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

A. Nhà cung cấp lớn:

Bảng: Danh sách các nhà cung cấp lớn

STT	NGÀY	SỐ HỢP ĐỒNG	ĐỐI TÁC	SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG	TRỊ GIÁ HỢP ĐỒNG
1	10/07/08	0802/VT	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Việt Tín	Thép cán nguội	Tháng 10/2008	1.586.772 USD
2	27/06/08	103/06/LM-HLA	Công ty TNHH Thép Mê Lin	Thép lá cán cuộn	Tháng 01/2009	2.566.326 USD
3	10/07/08	52/RC-HĐKT	Công ty CP XNK Vật tư Kỹ Thuật	Thép cán nguội	Tháng 10/2008	1.032.160 USD
4	24/07/08	240708/MH/HLAC	Công ty TNHH Thép Minh Hoàng	Thép lá cán nguội	Tháng 03/2009	2.283.288 USD
4	16/07/08	43/HĐKT/2008	Hợp tác xã cơ khí và thương mại 2-9	Thép cán nóng	Tháng 10/2008	9.550.000.000 VND
5	24/07/08	48/MB-HL	Công ty CP XNK Đồng Tháp Mười	Thép không gỉ	31/05/2009	14.815.512.850 VND

Nguồn: Công ty cổ phần Hữu Liên Á Châu

Ghi chú: Thời gian thực hiện hợp đồng là thời gian thanh toán và thanh lý hợp đồng.

B. Nhà tiêu thụ lớn:

Bảng: Danh sách các nhà tiêu thụ lớn

STT	NGÀY	SỐ HỢP ĐỒNG	ĐỐI TÁC	SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG	TRỊ GIÁ HỢP ĐỒNG
1	12/08/08	120808/AC-VN/HĐMB-2008	Công ty TNHH Thép Việt – Nga	Thép cán nguội	12/12/2008	1.098.129,99 USD
2	02/08/08	020808/AC-NK/HĐMB-2008	Công ty CP Thép Nam Kim	Thép cuộn cán nguội	08/09/2008	4.999.200.000
3	28/07/08	280708/AC-GAET/HĐMB-2008	Công ty vật tư Công nghiệp Quốc phòng	Thép cuộn cán nguội	12/08/2008	5.000.000.000 VND
4	17/07/08	170708/AC-SMC/HĐMB-2008	Công ty TNHH Thép SMC	Thép cuộn cán nóng	27/07/2008	1.940.000.000 VND
5	15/07/08	40/GEDO-HL	Công ty CP XNK Đồng Tháp Mười	Ống thép vuông và ống thép chữ nhật	31/01/2009	12.266.042.894 VND

Nguồn: Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

Ghi chú: Thời gian thực hiện hợp đồng là thời gian thanh toán và thanh lý hợp đồng.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Trong năm 2007, giá niken là nguyên liệu chính chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu giá thành của sản phẩm Inox trên thị trường thế giới biến động mạnh dẫn đến giá thành sản phẩm Inox gia tăng liên tục, trong khi đó rất khó tăng giá bán các thành phẩm nên chênh lệch giữa giá bán và giá thành của mặt hàng này rất thấp. Ngoài ra, sức tiêu thụ của mặt hàng Inox cũng giảm. Trước tình trạng đó, Công ty đã điều chỉnh cơ cấu sản xuất bằng cách tăng sản lượng ống thép đen nhằm đạt tối ưu hóa lợi nhuận. Cơ cấu này sẽ được duy trì, ổn định trong năm 2008 và tiếp tục trong những năm tới nếu thị trường không có nhiều biến động.

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2006, 2007 và 30/06/2008

- Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng: Tóm tắt kết quả hoạt động kinh doanh

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	% tăng giảm	30/06/2008	% so với kế hoạch
Tổng giá trị tài sản	474.235	686.089	44,67	974.889	
Doanh thu thuần	767.746	1.031.966	34,42	910.402	77,55
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11.491	48.035	318,02	39.408	
Lợi nhuận khác	724	1.178	61,18	1.806	
Lợi nhuận trước thuế	12.214	49.213	302,92	41.215	
Lợi nhuận sau thuế	8.550	33.873	296,17	29.016	55,97
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (cổ tức/lợi nhuận sau thuế)	-	9,94%	-	-	
Tỷ lệ trả cổ tức trên vốn cổ phần		10%			

Nguồn: BCTC năm 2006, hợp nhất năm 2007 kiểm toán và quý 2/2008

Trong năm 2007, Công ty cũng đã chào bán cổ phần cho cổ đông chiến lược, với số tiền thu được là 107,5 tỷ đồng, đã góp phần làm tổng tài sản của Công ty tăng 44,67% so với năm 2006.

Năm 2007, doanh thu thuần tăng 34,42% so với năm 2006 vì Công ty điều chỉnh cơ cấu sản xuất bằng cách tăng sản lượng ống thép đen, giảm sản xuất các mặt hàng Inox phù hợp nhu cầu của thị trường. Ngoài ra, Công ty làm tốt công tác dự báo thị trường đã giúp Công ty chủ động được nguồn nguyên liệu sản xuất, tạo điều kiện hạ giá thành, giá bán sản phẩm, giúp sản phẩm Công ty có tính cạnh tranh, góp phần tăng doanh thu.

Do điều chỉnh cơ cấu sản xuất, chuyển sang sản xuất các mặt hàng có tỷ suất lợi nhuận cao hơn, nên lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm 2007 cũng tăng 296,17% so với năm 2006.

Theo báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2008, Công ty đạt được 77,55% doanh thu thuần và 55,97% lợi nhuận sau thuế của kế hoạch năm 2008. Đây là nỗ lực rất lớn của Công ty trong tình trạng lạm phát tại Việt Nam.

Năm 2006 hoạt động kinh doanh đạt kết quả tốt, Công ty đạt lợi nhuận nhưng vẫn còn lỗ lũy kế do năm 2005 Công ty bị thua lỗ do sự gia tăng đột biến của giá nguyên liệu. Vì vậy, Công ty không thể chia cổ tức trong năm 2006.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Trong năm 2005 do có biến động lớn giá nguyên vật liệu nên Công ty gặp nhiều khó khăn trong sản xuất và hoạt động kinh doanh. Sang năm 2006, Công ty đã từng bước khắc phục khó khăn, hoạt động sản xuất kinh doanh dần ổn định. Hoạt động sản xuất được tổ chức tốt hơn, đặc biệt là việc xây dựng kế hoạch sản xuất và dự báo thị trường. Kết quả, năm 2006, Công ty đã đạt lợi nhuận trước thuế 12.214 triệu đồng.

Trong năm 2007, hoạt động sản xuất của Công ty ổn định, năng suất và sản lượng cao. Công tác quản lý chi phí giá thành ngày càng hoàn thiện: Tăng cường dự báo và chủ động kịp thời nhập các nguyên vật liệu đầu vào, cải tiến công tác lập kế hoạch sản xuất, thay đổi cơ cấu sản phẩm đáp ứng nhu cầu của thị trường; đặc biệt là Công ty có kế hoạch sử dụng nguyên vật liệu và duy trì hàng tồn kho ở mức hợp lý, luôn đảm bảo đáp ứng nhu cầu sản xuất đồng thời giảm áp lực về tài chính về tồn kho, vòng quay hàng tồn kho tăng cao, kiểm soát tốt chi phí đầu vào, giảm giá thành, tăng khả năng cạnh tranh, nâng cao hiệu quả hoạt động Công ty.

Trong năm 2007, Công ty cũng đã thực hiện huy động vốn từ việc chào bán cổ phần cho các cổ đông chiến lược, điều này đã giúp Công ty có thặng dư vốn, giảm áp lực tài chính về việc vay Ngân hàng. Kết quả chi phí hoạt động tài chính năm 2007 đã giảm nhiều so với các năm trước.

Mạng lưới khách hàng ngày càng được mở rộng, các chính sách khách hàng, sản phẩm, giá cả được xây dựng phù hợp với từng nhóm khách hàng. Điều này giúp các sản phẩm của Công ty được tiêu thụ rộng rãi.

Thương hiệu của HLAC ngày càng được khẳng định, được nhiều người tiêu dùng biết đến và tin nhiệm, đã góp phần đem lại thành công bước đầu và đang dần trở thành một yếu tố quan trọng góp phần đưa HLAC trở thành một nhà sản xuất lớn trong ngành công nghiệp xây dựng, trang trí nội thất.

Bên cạnh những thuận lợi trên, trong năm 2007, Công ty phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt với nhiều doanh nghiệp trong cùng ngành; giá thép cuộn nhập khẩu phục vụ hoạt động sản xuất thường có nhiều biến động gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để luôn giữ vững vị thế cạnh tranh Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất... Công ty điều chỉnh cơ cấu các chủng loại sản phẩm nhằm gia tăng tỷ suất lợi

nhuận; cải tiến quy trình xây dựng kế hoạch sản xuất và dự báo nhu cầu thị trường để chủ động nguyên vật liệu nhằm giảm thiểu những ảnh hưởng do biến động giá nguyên vật liệu.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty HLAC chuyên sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép, ống Inox, xà gồ... sử dụng trong lĩnh vực xây dựng và trang trí nội thất. Với bề dày kinh nghiệm 30 năm, cộng với sự tâm huyết của ban lãnh đạo luôn hoạt động theo tôn chỉ “chất lượng hàng đầu và uy tín số 1”. Chính vì vậy, HLAC đã luôn khẳng định được tên tuổi cũng như thương hiệu của mình trên thị trường Việt Nam. Năm 2007, HLAC là Công ty sản xuất ống thép đen lớn nhất của cả nước (chiếm trên 10% thị phần ống thép Việt Nam) (Nguồn: báo Sài Gòn Giải Phóng)

HLAC là doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam đưa vào sản xuất mặt hàng Inox theo quy trình công nghệ hiện đại nhất được nhập từ nước ngoài, đảm bảo đầy đủ các yêu cầu về kỹ thuật và thẩm mỹ. Công ty cũng đã đầu tư đưa vào hoạt động dây chuyền cán nguội với công suất lên đến 3.000 tấn/tháng. Đây là chiến lược đúng đắn của Ban lãnh đạo nhằm chủ động được nguồn nguyên liệu để phục vụ kịp thời cho bộ phận sản xuất ống thép trong bối cảnh khan hiếm nguyên liệu như hiện nay. Ngoài ra, để đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật cao nhất, cũng như đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn ổn định, HLAC đã áp dụng nghiêm ngặt hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 : 2000 từ năm 2002. Năm 2005, Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh công nhận sản phẩm ống thép của HLAC là sản phẩm công nghiệp chủ lực theo tiêu chuẩn sản phẩm công nghiệp chủ lực của TP.HCM được công bố tại văn bản số 22/TB-U ngày 04/04/2005. Công ty cũng đã được UBND TP.HCM duyệt cho thuê thêm 8.000 m² mặt bằng vào năm 2007 nâng tổng diện tích đất thuê hiện tại là 42.258 m² tại Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân để mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao thương hiệu, uy tín và vị thế trong ngành.

Mặt bằng sản xuất của Công ty nằm tiếp giáp Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, với cơ sở hạ tầng ổn định, phù hợp với hoạt động sản xuất nên rất thuận tiện giao thông và vận chuyển hàng hóa. Diện tích mặt bằng của Công ty rộng lớn, thuận lợi cho việc triển khai các mô hình sản xuất kinh doanh mới. Bên cạnh đó, với chính sách thu hút nhân tài, đãi ngộ và chế độ phúc lợi tốt, Công ty đã thu hút và xây dựng được đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm, nhiệt tình, gắn bó lâu dài với Công ty.

Mạng lưới phân phối của HLAC trải rộng khắp cả nước với trên 1.000 đại lý. Ngoài ra, Công ty còn xuất khẩu các mặt hàng ra nước ngoài như: Campuchia, Mỹ, Úc, Đài Loan. Trong tương lai, Công ty sẽ chú trọng, nâng cao và đẩy mạnh hơn nữa tỷ lệ xuất khẩu so với hiện tại. Với chiến lược hoạt động kinh doanh đa ngành mang lại lợi thế kinh doanh cho các ngành hàng của Công

ty, nhằm phát triển các sản phẩm của Công ty mang tính độc lập, giảm thiểu tính rủi ro do biến động của nền kinh tế, vừa có sự liên kết liên hợp trong vấn đề sản xuất, giúp giảm giá thành nâng cao khả năng cạnh tranh, Công ty đã đầu tư và nắm giữ 61,54% cổ phần Công ty CP Minh Hữu Liên – một doanh nghiệp chuyên sản xuất sản phẩm trang trí nội thất và sản phẩm ứng dụng từ thép và Inox. Do chủ động được nguồn nguyên vật liệu, giảm giá thành kết hợp với công nghệ hiện đại, Công ty CP Minh Hữu Liên đã vượt qua nhiều đối thủ cạnh tranh để trở thành nhà cung cấp sản phẩm cho các Công ty lớn trên thế giới như: IKEA (Thụy Điển), Pouyuen (Đài Loan), Central Purchasing (Mỹ),... Đồng thời, sản phẩm của Minh Hữu Liên đang được đánh giá cao trên thị trường thế giới.

Ngày 15/11/2007 báo điện tử Vietnamnet kết hợp với Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (VietNam Report) lần đầu tiên công bố xếp hạng Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam về tổng tài sản và lợi nhuận (VNR500) theo mô hình của Fortune 500. Theo thông tin công bố, HLAC đã được xếp hạng thứ 62 trong 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam về tài sản và đứng thứ 130 về lợi nhuận.

Hiện tại, sản phẩm của Công ty được phân phối rộng rãi trong và ngoài nước. Do đó, Công ty đang có thuận lợi trong việc xây dựng và phát triển thương hiệu tại thị trường trong nước và khu vực.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Thép là vật tư quan trọng trong ngành công nghiệp, xây dựng, có vai trò quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước. Việt Nam đã xác định ngành thép là ngành công nghiệp ưu tiên phát triển. Sự tăng trưởng ngành thép gắn liền với sự tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế.

Trong những năm gần đây, kinh tế của Việt Nam luôn duy trì ở mức tăng trưởng khá cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Tốc độ tăng trưởng GDP giữ vững ở mức trên 8%. Theo nhận định các chuyên gia kinh tế trong và ngoài nước, giai đoạn từ nay tới năm 2010, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng bền vững, ổn định và tiếp tục duy trì ở mức 8%/ năm.

Trong năm 2007, lạm phát của Việt Nam tăng cao (chỉ số giá tiêu dùng năm 2007 tăng 12,63% so với năm 2006) làm ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam (nguồn: Tổng cục thống kê). Dự kiến, để kiểm soát tình hình lạm phát, Việt Nam phải điều chỉnh giảm tốc độ tăng trưởng. Tuy vậy, tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam được dự báo vẫn ở mức cao so với các nước trong khu vực. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2008 ước tính tăng

6,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7% tạo điều kiện thúc đẩy nhu cầu và sản xuất kinh doanh các sản phẩm thép và nguyên vật liệu xây dựng.

Theo Quyết định số 145/2007/QĐ-TTg ngày 04 tháng 09 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành thép giai đoạn 2007 đến 2015 có tính đến 2025 với một số quan điểm chính sau:

- Phát triển ngành thép Việt Nam phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và ngành công nghiệp của cả nước, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội các địa phương và lộ trình hội nhập của Việt Nam;
- Xây dựng ngành thép Việt Nam với công nghệ tiên tiến hợp lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn tài nguyên của đất nước, bảo đảm hài hoà với bảo vệ môi trường sinh thái tại các địa bàn phát triển ngành thép;
- Coi trọng và khuyến khích các thành phần kinh tế, các ngành kinh tế trong nước liên kết, hợp tác với nước ngoài đầu tư xây dựng một số tổ hợp mỏ - luyện kim, nhà máy thép liên hợp và nhà máy cán các sản phẩm thép dẹt quy mô lớn.

Mục tiêu phát triển tổng thể của ngành thép Việt Nam là đáp ứng tối đa nhu cầu về các sản phẩm thép của nền kinh tế, tăng cường xuất khẩu. Trong đó sản xuất phôi thép (thép thô) năm 2010 đạt 3,5 - 4,5 triệu tấn; năm 2015 đạt 6 - 8 triệu tấn; năm 2020 đạt 9 - 11 triệu tấn và năm 2025 đạt 12 - 15 triệu tấn; Sản xuất thép thành phẩm năm 2010 đạt 6,3 - 6,5 triệu tấn (18 - 2,0 triệu tấn sản phẩm dẹt); năm 2015 đạt 11- 12 triệu tấn (6,5 - 7,0 triệu tấn sản phẩm dẹt); năm 2020 đạt 15 - 18 triệu tấn (8 - 10 triệu tấn sản phẩm dẹt) và năm 2025 đạt khoảng 19 - 22 triệu tấn thành phẩm (11 - 13 triệu tấn sản phẩm dẹt và 0,2 triệu tấn thép đặc biệt). Về xuất khẩu gang thép phần đầu năm 2010 xuất khẩu 0,5 - 0,7 triệu tấn; năm 2015 xuất khẩu 0,7 - 0,8 triệu tấn; năm 2020 xuất khẩu 0,9 - 1,0 triệu tấn; năm 2025 xuất khẩu khoảng 1,2 - 1,5 triệu tấn.

Dự kiến nhu cầu thép thành phẩm của Việt Nam sẽ tăng nhanh, dự kiến năm 2010 đạt khoảng 10 - 11 triệu tấn; năm 2015 khoảng 15 - 16 triệu tấn; năm 2020 khoảng 20 - 21 triệu tấn và năm 2025 khoảng 24 - 25 triệu tấn.

Để thực hiện các mục tiêu trên, Việt nam đã có các giải pháp, chính sách chủ yếu sau:

- Giải pháp bảo đảm nguồn nguyên, nhiên liệu chính

Trước mắt, thực hiện việc xuất quặng sắt để nhập đối lưu than mỡ, than cốc với các đối tác Trung Quốc. Về lâu dài, cần xây dựng chiến lược xuất nhập khẩu nguyên liệu khoáng chung của cả nước để bảo đảm nguồn than mỡ, than cốc cho ngành Thép phát triển bền vững.

- Giải pháp xuất nhập khẩu, phát triển thị trường
 - Bảo vệ thị trường nội địa bằng các hàng rào kỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng, môi trường hợp pháp nhằm ngăn chặn sự xâm nhập của sản phẩm kém chất lượng, không bảo đảm an toàn vào thị trường Việt Nam;
 - Tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật để hoàn thiện thị trường các sản phẩm thép, tạo liên kết chặt chẽ, chia sẻ lợi nhuận và cộng đồng trách nhiệm giữa nhà sản xuất với nhà kinh doanh thép;
 - Hoàn thiện chính sách, pháp luật và tăng cường năng lực thực hiện pháp luật về cạnh tranh, chống độc quyền, chống liên kết lũng đoạn thị trường, chống bán phá giá.

- Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật và chất lượng đội ngũ giáo viên cho các trường đào tạo công nhân kỹ thuật để có đủ năng lực đào tạo đáp ứng nhu cầu lao động cho ngành luyện kim. Coi trọng hình thức đào tạo ở nước ngoài, mời chuyên gia nước ngoài đào tạo tại nhà máy.

- Giải pháp phát triển khoa học - công nghệ

Tăng cường hợp tác quốc tế, củng cố mối quan hệ khoa học - công nghệ giữa các đơn vị sản xuất với các cơ quan nghiên cứu R&D, các trường đại học trong và ngoài nước nhằm đẩy mạnh việc chuyển giao công nghệ - kỹ thuật mới vào ngành thép nước ta.

- Giải pháp về quản lý: Ban hành cơ chế, chính sách phát triển ngành thép Việt Nam theo hướng khuyến khích cao và bảo hộ hợp lý đầu tư sản xuất ở thượng nguồn (khai thác, tuyển quặng sắt quy mô lớn, sản xuất các sản phẩm hoàn nguyên, gang, phôi thép), xây dựng các liên hợp luyện kim và các nhà máy cán sản phẩm thép dẹt quy mô lớn.
- Đẩy mạnh công tác đổi mới, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước để nâng cao năng lực cạnh tranh. Khuyến khích việc thành lập Công ty cổ phần có sự tham gia của các doanh nghiệp nhà nước, các ngành kinh tế và các thành phần kinh tế trong và ngoài nước.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của nhà nước, và xu thế chung của thế giới:

Gia nhập WTO, Việt Nam có nhiều cơ hội và thách thức trên thị trường nội địa và quốc tế. Để đáp ứng yêu cầu mới trong môi trường cạnh tranh ngày càng cao, Công ty đã xúc tiến xây dựng và phát triển thương hiệu trong và ngoài nước.

Ngoài ra, Công ty cũng đã thiết lập lộ trình hội nhập để chủ động tận dụng các cơ hội và ứng phó với các thách thức của thị trường. Các kế hoạch tăng cường đầu tư công nghệ sản xuất, nhân lực theo chiều sâu đang được tiến hành từ năm 2005 đến 2010. Để bắt kịp xu thế của thời đại, Công

ty đang thiết lập và xây dựng hệ thống Marketing hiện đại và chuyên nghiệp phù hợp với tình hình thực tế và chiến lược phát triển Công ty nhằm nghiên cứu thị trường để nắm bắt nhu cầu và thị hiếu của khách hàng, từ đó đưa ra những chiến lược kinh doanh đúng đắn, đạt hiệu quả cao, xây dựng Hữu Liên Á Châu thành thương hiệu lớn.

Từ những phân tích trên cho thấy định hướng phát triển của Công ty là phù hợp với định hướng của ngành và chính sách phát triển của Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty:

Tính đến 30/06/2008, số lượng người lao động trong Công ty là 509 người. Cơ cấu lao động của Công ty phân theo giới tính, trình độ chuyên môn được thể hiện trong bảng sau:

Bảng: Cơ cấu lao động

Phân theo giới tính	Số lượng người tại thời điểm		
	31/12/2006	31/12/2007	30/06/2008
- Nam	365	406	442
- Nữ	64	64	67
Phân theo trình độ chuyên môn	31/12/2006	31/12/2007	30/06/2008
- Đại học	25	30	28
- Cao đẳng, Trung cấp	69	77	57
- Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	335	363	424

Nguồn: Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

9.2. Chính sách đào tạo

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng, kiến thức cho người lao động vì công ty luôn ý thức được rằng nguồn nhân lực là vô cùng quý giá, quyết định sự thành công và phát triển của Công ty.

Đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho nhân viên có thể được tiến hành theo các hình thức sau: Đào tạo nội bộ; Mời chuyên gia bên ngoài đến đào tạo tại Công ty hoặc gửi nhân viên Công ty dự học các khóa đào tạo tại bên ngoài.

Thường xuyên mở các lớp về an toàn lao động, tay nghề, các cán bộ kỹ thuật, quản lý điều hành được cử tham gia các buổi hội thảo, học tập nhằm nắm bắt, triển khai và ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ mới.

Công ty xây dựng chính sách tiền lương đồng bộ thống nhất, tiền lương được trả đúng căn cứ trên mức độ lao động và tính chất công việc, mức đóng góp của người lao động. Chính sách tiền lương của Công ty như sau:

- Lương tháng của cán bộ nhân viên được trả căn cứ theo bảng lương của Công ty và các chế độ khác theo qui định của Luật Lao động.
- Cán bộ nhân viên có thể được điều động làm thêm giờ. Cách tính lương thêm giờ và tổng giờ làm thêm trong tháng được thực hiện đúng theo Luật lao động Việt Nam.
- Chế độ nâng bậc lương: Công ty xét duyệt, điều chỉnh lương và tiền công được tiến hành vào tháng 7 hàng năm dựa trên các yếu tố và điều kiện xét duyệt nâng lương. Ngoài ra, Công ty có chế độ phụ cấp: phụ cấp chức vụ; phụ cấp độc hại đối với công nhân làm ở bộ phận sản xuất có tính độc hại; trợ cấp tiền cơm, ...
- Thưởng: Công ty có chính sách thưởng để khuyến khích người lao động hăng hái tham gia sản xuất, cải tiến kỹ thuật mang lại lợi nhuận, đóng góp vào sự phát triển của Công ty. Các hình thức thưởng của Công ty bao gồm: lương tháng 13, thưởng vượt mức sản lượng, thưởng cải tiến kỹ thuật....

9.3. Chế độ nghỉ phép, lễ, tết:

Công ty thực hiện theo luật định.

9.4. Bảo hiểm và phúc lợi:

Công ty đảm bảo đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các quyền lợi khác của nhân viên theo luật định.

9.5. Tổ chức công đoàn:

Công đoàn Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Công đoàn và các luật liên quan khác.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, chính sách phân phối cổ tức của Công ty như sau:

- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
- Theo Điều lệ Công ty, HĐQT có quyền đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức.

- Theo quy định của Luật doanh nghiệp, HĐQT có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này là phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Năm 2006 hoạt động kinh doanh đạt kết quả tốt, Công ty đạt lợi nhuận nhưng vẫn còn lỗ lũy kế do năm 2005 Công ty bị thua lỗ do sự gia tăng đột biến của giá nguyên liệu. Vì vậy, Công ty không thể chi trả cổ tức cho cổ đông trong năm 2006.

Tỷ lệ chia cổ tức trong năm 2007 là 10% trên vốn cổ phần, dự kiến trong năm 2008, 2009, 2010 tỷ lệ chia cổ tức sẽ đạt mức 15% trên vốn cổ phần sau khi trích lập các quỹ.

Chính sách trả cổ tức như trên phù hợp với định hướng phát triển của Công ty cũng như bảo đảm lợi ích của cổ đông.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày theo chuẩn mực kế toán Việt Nam.

11.1.1. Trích khấu hao tài sản cố định

Nguyên giá TSCĐ được khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản, phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Bảng: Quy định khấu hao tài sản

Loại tài sản	Thời gian ước tính khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	15
Máy móc thiết bị	5 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 8
Dụng cụ quản lý	4 – 8
TSCĐ hữu hình khác	4 – 9

Nguồn: BCTC năm 2006, hợp nhất năm 2007 có kiểm toán

Bảng: Trích khấu hao năm 2006 và năm 2007 và 30/06/2008

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	30/06/2008
Tài sản cố định hữu hình	10.391.506.621	12.091.454.659	10.625.150.708
Tài sản cố định thuê tài chính	-	195.863.727	306.013.164
Tài sản cố định vô hình	-	1.051.626.354	631.649.105

Nguồn: BCTC năm 2006, hợp nhất năm 2007 có kiểm toán

11.1.2. Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty đi thuê khi phần lớn quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển từ bên cho thuê sang Công ty. Tài sản thuê tài chính được ghi nhận như tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày mua tài sản. Khoản công nợ phải trả cho bên thuê phát sinh được phản ánh trong sổ dư phải trả về thuê tài chính trên Bản cân đối kế toán. Các tài sản thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu Công ty hoặc trên thời gian thuê. Các tài sản thuê là máy móc thiết bị được khấu hao với thời gian sử dụng ước tính là 10 năm.

11.1.3. Mức lương bình quân

Mức lương bình quân của người lao động tại Công ty HLAC:

- Năm 2006: 2,45 triệu đồng/người/tháng
- Năm 2007: 2,85 triệu đồng/người/tháng

Mức lương trên tương đương với các doanh nghiệp cùng ngành.

11.1.4. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Căn cứ báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2006 và báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2007 và báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2008 HLAC đã thanh toán đầy đủ các khoản nợ, không có nợ quá hạn.

11.1.5. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước.

11.1.6. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và theo pháp luật hiện hành.

Tình hình trích lập các quỹ của Công ty như sau:

Bảng: Trích lập các Quỹ năm 2006 – 2007

ĐVT: VNĐ

Các quỹ	Năm 2006	Năm 2007
Quỹ dự phòng tài chính	-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	147.549.000	3.473.876
Tổng	147.549.000	3.473.876

Nguồn: BCTC năm 2006, hợp nhất năm 2007 đã kiểm toán

11.1.7. Tổng dư nợ vay

Tình hình vay nợ của Công ty như sau:

Bảng: Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	30/06/2008
Vay ngắn hạn	244.392.466.338	262.361.631.238	482.750.216.157
Nợ dài hạn đến hạn trả	11.605.418.454	12.974.577.854	2.746.487.159
Vay dài hạn	30.459.119.181	27.971.712.040	27.971.712.040
Nợ dài hạn	350.000.004	2.958.128.739	6.026.741.014
Tổng	286.807.003.977	306.266.049.871	519.495.156.370

Nguồn: BCTC năm 2006, hợp nhất năm 2007 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2008

Công ty vay chủ yếu từ các Ngân hàng: Maybank TP.HCM, Maybank Hà Nội, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh TP.HCM, Ngân hàng TMCP Á Châu. Mục đích vay là để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, nguồn vốn nhập khẩu nguyên vật liệu và đầu tư cơ sở hạ tầng, kỹ thuật. Công ty trả nợ đúng hạn và không có nợ quá hạn.

11.1.8. Tình hình công nợ hiện nay

Bảng: Các khoản phải thu năm 2006, năm 2007 và 30/06/2008

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	30/06/2008
Phải thu từ khách hàng	100.110.294.293	151.083.328.256	196.874.615.779
Trả trước cho người bán	9.930.853.619	3.467.418.984	8.709.037.698
Các khoản phải thu khác	12.628.571.429	27.389.105.270	18.682.697.768
Phải thu dài hạn khác	-	1.519.709.200	-
Tổng cộng	122.669.719.341	183.459.561.710	224.266.351.245

Nguồn: BCTC năm 2006, hợp nhất năm 2007 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2008

Công ty không lập khoản phải thu khó đòi do chính sách của Công ty là phân phối thông qua các đại lý lớn, có uy tín trong ngành nghề và đã giao dịch ổn định với Công ty cũng như trong các đối tác khác trong ngành thép. Đối với các khách hàng quen thuộc và có uy tín, Công ty có chính sách bán hàng cho nợ thanh toán sau với thời gian chậm thanh toán trung bình từ 30 đến 45 ngày.

Căn cứ chu kỳ giá của nguyên vật liệu đầu vào, Công ty đã trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm 30/06/ 2008: 14.377.485.564 đồng. Chu kỳ giá này được tính với điều kiện sản xuất bình thường, khi đó, vì sản phẩm của Công ty là bán thành phẩm của các ngành khác như: xây dựng, trang trí nội thất, xe máy,... nên nguyên vật liệu có xu hướng tăng vào các quý 1 và quý 2 trong năm tài chính khi nhu cầu sản xuất và tích trữ hàng hóa của thị trường về các ngành hàng này tăng mạnh. Tuy nhiên, quý 3 và quý 4 của năm tài chính là chu kỳ giảm giá nguyên vật liệu. Ở giai đoạn này các doanh nghiệp đi vào sản xuất, và tiêu thụ sản phẩm, nên việc tích trữ nguyên vật liệu giảm dần.

Bảng Các khoản nợ phải trả năm 2006, năm 2007 và 30/06/2008

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	2006		2007		30/06/2008	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Nợ ngắn hạn	306.188.096.481	-	376.245.763.677	-	638.370.466.419	-
Vay và nợ ngắn hạn	255.997.884.792	-	275.336.209.092	-	485.496.703.316	-
Phải trả cho người bán	44.882.499.736	-	85.429.297.136	-	116.352.369.678	-
Người mua trả tiền trước	4.477.133.577	-	4.757.565.174	-	14.722.941.035	-
Thuế và các khoản phải trả cho nhà nước	807.559.742	-	7.800.940.611	-	20.769.968.906	-
Phải trả cho CNV	-	-	6.996.000	-	789.624.011	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.018.634	-	2.914.755.664	-	238.859.473	-
Nợ dài hạn	33.309.119.185	-	33.429.840.779	-	36.498.453.054	-
Phải trả dài hạn khác	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
Vay và nợ dài hạn	30.809.119.185	-	30.929.840.779	-	33.998.453.054	-
Tổng cộng	339.497.215.666	-	409.675.604.456	-	674.868.919.473	-

Nguồn: BCTC năm 2006, hợp nhất năm 2007 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2008

Qua 6 tháng đầu năm 2008, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khả quan, doanh thu thuần là 910.401 triệu đồng, đạt 77,55% kế hoạch năm 2008 do giá bán của sản phẩm trong 6 tháng đầu năm 2008 tăng cao so với năm 2007. Vì vậy, phần lớn các chỉ tiêu khoản phải thu, phải trả của Công ty trong 6 tháng đầu năm tăng hơn so với năm 2007.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2006, năm 2007 và 30/06/2008

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2006	Năm 2007	30/06/2008
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	0,91	1,22	1,14
+ Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	Lần	0,5	0,62	0,49
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,72	0,60	0,69
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,52	1,50	2,29
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	Vòng	5,05	5,32	2,56
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	161,89	150,41	93,39
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(%)	1,11	3,28	3,19
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(%)	6,35	12,37	9,84
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(%)	1,8	4,93	2,98
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(%)	1,49	4,65	4,33

Nguồn: BCTC năm 2006, hợp nhất năm 2007 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2008

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh năm 2007 tăng so với năm 2006 chứng tỏ Công ty luôn bảo đảm khả năng thanh toán cho các khoản nợ ngắn hạn.

Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu năm 2007 giảm so với năm 2006 cho thấy Công ty luôn cải thiện tình hình tài chính, cụ thể:

- Năm 2007, Công ty đã huy động một lượng vốn lớn (107,5 tỷ đồng bao gồm thặng dư vốn) trong đợt chào bán cổ phiếu các đối tác chiến lược đã giảm áp lực nợ vay.
- Hàng thương mại có thời hạn thanh toán được phép trả chậm từ nhà cung cấp góp phần giảm nợ vay.

Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu tăng cao từ 6,35% năm 2006 lên 12,37% trong năm 2007 cho thấy hệ số sử dụng vốn của Công ty càng hiệu quả. Trong 6 tháng đầu năm 2008 hệ số này cũng đã đạt 9,84%.

Vòng quay hàng tồn kho năm 2007 cao hơn so với năm 2006 do Công ty đã có chính sách dự báo thị trường tốt nên chủ động nhập khẩu nguyên vật liệu với số lượng hợp lý nhưng vẫn đảm bảo hoạt động sản xuất liên tục, đáp ứng nhu cầu đầu ra của sản phẩm.

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Trần Xảo Cơ	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2.	Trần Tuấn Nghiệp	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
3.	Đoàn Minh Tiến	Thành viên Hội đồng quản trị
4.	Bùi Quang Hiệp	Thành viên Hội đồng quản trị
5.	Phan Văn Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị

1. Ông Trần Xảo Cơ – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên: **Trần Xảo Cơ**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 14/11/1948

Nơi sinh: TP.Hồ Chí Minh

CMND: 021616925, ngày cấp 7/10/2003, nơi cấp: CA TP.HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Hoa

Quê quán: Quảng Đông – Trung Quốc

Địa chỉ thường trú: 331 Trần Hưng Đạo, P.10, Q.5, TP.HCM

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 877 00 62 – (08) 877 11 93

Trình độ văn hóa: 09/12

Trình độ chuyên môn: Có trên 20 năm kinh nghiệm năm trong ngành sản xuất sản phẩm sắt thép

Quá trình công tác

+ Từ 1978 – 1981: Tổ trưởng Tổ sản xuất Hữu Liên (sản xuất xích xe máy, xích xe đạp và các sản phẩm thép xuất khẩu)

+ Từ 1981 – 1989:	Tổ trưởng Hợp tác xã Cơ khí Hữu Liên (sản xuất xích xe máy, xích xe đạp và các sản phẩm thép xuất khẩu)
+ Từ 1989 – 1991:	Giám đốc xí nghiệp tư doanh cơ khí Hữu Liên (sản xuất xích xe máy, xích xe đạp và các sản phẩm thép xuất khẩu)
+ Từ 1991 – 1996:	Giám đốc doanh nghiệp tư nhân Hữu Liên (sản xuất xích xe máy, xích băng tải và kinh doanh sắt thép)
+ Từ 1996 – 2001:	Giám đốc doanh nghiệp tư nhân Hữu Liên, thực hiện dự án liên doanh với Công ty Shiu Cherng (Đài Loan) sản xuất ống thép tại Việt Nam
+ Từ 2001 đến nay:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Hữu Liên Á Châu
+ Từ 01/2005 – 10/2005:	Tổng Giám Đốc Công ty CP Thép Nam Kim
+ Từ 12/2007 đến nay:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Thép Nam Kim
<i>Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	Chủ tịch Hội đồng quản trị Cty CP Hữu Liên Á Châu
<i>Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Thép Nam Kim
<i>Số CP nắm giữ (thời điểm 30/08/2008):</i>	5.000.000 cổ phần, chiếm 26,32 % vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	5.000.000 cổ phần, chiếm 26,32% vốn điều lệ
<i>Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo.</i>	
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	Không
<i>Những người có liên quan:</i>	Anh: Trần An nắm giữ: 525.000 CP, chiếm 2,76% vốn điều lệ
	Vợ: Lưu Lang Phương nắm giữ: 500.000 CP, chiếm: 2,63% vốn điều lệ
	Con: Trần Tuấn Nghiệp nắm giữ: 1.000.000 CP,

chiếm: 5,26% vốn điều lệ

Con: Trần Tuấn Minh nắm giữ: 1.000.000 CP,
chiếm: 5,26% vốn điều lệ

Con: Trần Uyển Nhân nắm giữ: 500.000 CP, chiếm:
2,63% vốn điều lệ

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

2. Ông Trần Tuấn Nghiệp – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên: **Trần Tuấn Nghiệp**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 28/10/1979

Nơi sinh: TP.Hồ Chí Minh

CMND: 023097413, ngày cấp: 07/10/2003, nơi cấp: CA
TP.HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Hoa

Quê quán: Quảng Đông – Trung Quốc

Địa chỉ thường trú: 331 Trần Hưng Đạo, P.10, Q.5, TP.HCM

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 877 00 62 – (08) 877 11 93

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh (MBA – Mỹ)

Quá trình công tác

+ Từ 2002 - 2007: Giám đốc Điều hành Công ty CP Hữu Liên Á Châu
Thành viên HĐQT Công ty CP Hữu Liên Á Châu

+ Từ 2007 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Hữu Liên Á Châu
Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hữu Liên Á Châu
Chủ tịch HĐQT Công ty CP Minh Hữu Liên

+ Từ 11/2005 – 12/2005:	Tổng Giám Đốc Công ty CP Thép Nam Kim	
+ Từ 08/2006 đến nay:	Tổng Giám Đốc Công ty CP Thép Nam Kim	
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Tổng Giám đốc Công ty CP Hữu Liên Á Châu Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hữu Liên Á Châu	
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Minh Hữu Liên Tổng Giám đốc Công ty CP Thép Nam Kim	
Số CP nắm giữ (thời điểm 30/08/2008):	1.000.000 cổ phần, chiếm 5,26% vốn điều lệ	
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ	
+ Cá nhân sở hữu:	1.000.000 cổ phần, chiếm 5,26% vốn điều lệ	
Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo.		
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không	
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không	
Những người có liên quan:	Cha: Trần Xảo Cơ	nắm giữ: 5.000.000 CP, chiếm: 26,32% vốn điều lệ
	Mẹ: Lưu Lang Phương	nắm giữ: 500.000 CP, chiếm: 2,63% vốn điều lệ
	Em: Trần Tuấn Minh	nắm giữ: 1.000.000 CP, chiếm: 5,26% vốn điều lệ
	Chị: Trần Uyên Nhân	nắm giữ: 500.000 CP, chiếm: 2,63% vốn điều lệ
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không	
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không	

3. Ông Đoàn Minh Tiến – Thành viên Hội đồng quản trị

<i>Họ và tên:</i>	Đoàn Minh Tiến
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	25/08/1974
<i>Nơi sinh:</i>	Tuyên Quang
<i>CMND:</i>	012651684, cấp ngày 14/02/2008, nơi cấp: CA Hà Nội
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Huyện Yên Sơn, Tuyên Quang
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	P 207, Ngõ 713, Giải Phóng, Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội
<i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>	(04) 220 66 60 Ext: 139
<i>Trình độ văn hóa:</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Cử nhân kinh tế ngành Tài chính-Ngân hàng
<i>Quá trình công tác</i>	
+ <i>Từ 1996 đến 2001:</i>	Chuyên viên Tín dụng Ngân Hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam phụ trách tín dụng khu vực Đông Nam Bộ
+ <i>Từ 2001 đến 2004:</i>	Phó phòng phân tích và tư vấn đầu tư Cty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
+ <i>Từ 2004 đến Tháng 2/2007:</i>	Trưởng phòng chính sách tín dụng thuộc Ban quản lý Tín dụng Ngân Hàng Đầu tư và Phát Triển Việt Nam
+ <i>Từ 3/2007 đến nay:</i>	Phó tổng giám đốc Cty CP Đầu tư tài chính BIDV (BFC)
+ <i>Từ 4/2008 đến nay:</i>	Thành viên HĐQT Công ty Cổ Phần Hữu Liên Á Châu
<i>Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	Thành viên HĐQT Công ty Cổ Phần Hữu Liên Á Châu
<i>Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Phó tổng giám đốc Cty CP Đầu tư tài chính BIDV (BFC)

Số CP nắm giữ (thời điểm Không
30/08/2008):

+ Đại diện sở hữu: Không

+ Cá nhân sở hữu: Không

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những người có liên quan: Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính (BIDV) nắm giữ 750.000 cổ phiếu Cty CP Hữu Liên Á Châu, chiếm 3,95% vốn điều lệ

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

4. Ông Bùi Quang Hiệp – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: **Bùi Quang Hiệp**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 18/11/1966

Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh

CMND: 022020288, cấp ngày 5/10/1999, nơi cấp: CA TP.HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thái Bình

Địa chỉ thường trú: 2325B Hồng Lạc, P.10, Q.Tân Bình, TP.HCM

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 877 00 62 – (08) 877 11 93

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- + Từ 1990 đến 1991: Kế toán tổng hợp Hợp Tác Xã Tín Dụng Bà Quẹo
- + Từ 1992 đến 1995: Kế toán Doanh Nghiệp Tư Nhân Hữu Liên
- + Từ 1996 đến nay: Kế toán trưởng Công ty TNHH TM-DV Nghiệp Quyền
- + Từ 2001 đến 2/2007: Phó giám đốc kinh doanh Công ty CP Hữu Liên Á Châu
- + Từ 2/2007 đến nay : Giám đốc kinh doanh Công ty CP Hữu Liên Á Châu
- + Từ 4/2007 đến nay : Thành viên HĐQT Công ty CP Hữu Liên Á Châu

Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT Công ty CP Hữu Liên Á Châu
Giám đốc kinh doanh Công ty CP Hữu Liên Á Châu

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty TNHH TM-DV Nghiệp Quyền

Số CP nắm giữ (thời điểm 30/08/2008): 100.000 cổ phần, chiếm 0,53% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 100.000 cổ phần, chiếm 0,53% vốn điều lệ

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những người có liên quan: Em: Bùi Quang Hội nắm giữ: 30.000 CP, chiếm: 0,16 % vốn điều lệ

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

5. Ông Phan Văn Dũng – Thành viên Hội đồng quản trị

<i>Họ và tên:</i>	Phan Văn Dũng
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	03/02/1965
<i>Nơi sinh:</i>	Bến Tre
<i>CMND:</i>	021630403, cấp ngày 25/12/2003, nơi cấp: CA TP.HCM
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Bến Tre
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	442/300B Sư Vạn Hạnh, P.9, Q.10, TP.HCM
<i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>	(08) 877 00 62 – (08) 877 11 93
<i>Trình độ văn hóa:</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Cử nhân kinh tế
<i>Quá trình công tác</i>	
+ Từ 1988 – 1992:	Kế toán trưởng Xí Nghiệp Vận Tải Quận 10
+ Từ 1993 - 2001:	Kế toán trưởng Doanh Nghiệp tư nhân Hữu Liên (sản xuất xích xe gắn máy và xích băng tải, phụ tùng xe đạp, xe honda)
+ Từ 2001 - 2002:	Kế toán trưởng Công ty CP Hữu Liên Á Châu
+ Từ 2003 - 2006:	Thành viên HĐQT Công ty CP Hữu Liên Á Châu Phó Giám đốc tài chính Công ty CP Hữu Liên Á Châu
+ Từ 2006 đến nay:	Thành viên HĐQT Công ty CP Hữu Liên Á Châu Giám đốc tài chính Công ty CP Hữu Liên Á Châu
<i>Chức vụ công tác hiện nay của tổ chức niêm yết:</i>	Thành viên HĐQT Công ty CP Hữu Liên Á Châu Giám đốc tài chính Công ty CP Hữu Liên Á Châu
<i>Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Không

Số CP nắm giữ (thời điểm 100.000 cổ phần, chiếm 0,53% vốn điều lệ 30/08/2008):

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 100.000 cổ phần, chiếm 0,53% vốn điều lệ

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những người có liên quan: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Các thành viên Hội đồng quản trị được trả thù lao hàng năm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

12.2. Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Trần Tuấn Nghiệp	Tổng Giám đốc
2.	Trần Tuấn Minh	Giám đốc kỹ thuật
3.	Bùi Quang Hiệp	Giám đốc kinh doanh
4.	Phan Văn Dũng	Giám đốc tài chính

1. Ông Trần Tuấn Nghiệp : Tổng Giám đốc (xem lý lịch ở phần trên)

2. Ông Trần Tuấn Minh : Giám đốc kỹ thuật

Họ và tên: **Trần Tuấn Minh**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 24/06/1983

Nơi sinh: TP.Hồ Chí Minh

CMND: 023543525, ngày cấp: 15/06/1998, CA TP.HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Hoa

Quê quán: Quảng Đông – Trung Quốc

Địa chỉ thường trú: 331 Trần Hưng Đạo, P.10, Q.5, TP.HCM

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 877 00 62 – (08)877 11 93

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác

+ Từ 2003 đến 2007: Phó giám đốc kỹ thuật Công ty CP Hữu Liên Á Châu

+ Từ 2007 đến nay: Giám đốc kỹ thuật Công ty CP Hữu Liên Á Châu
Giám đốc Công ty CP Minh Hữu Liên

+ Từ 2007 đến 4/2008: Thành viên HĐQT Công ty CP Hữu Liên Á Châu

Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Giám đốc kỹ thuật Công ty CP Hữu Liên Á Châu

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty CP Minh Hữu Liên

Số CP nắm giữ (thời điểm 30/08/2008): 1.000.000 cổ phần, chiếm 5,26% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 1.000.000 cổ phần, chiếm 5,26% vốn điều lệ

Cam kết nắm giữ 100% vốn điều lệ số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% vốn điều lệ trong 06 tháng tiếp theo.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những người có liên quan: Cha: Trần Xảo Cơ nắm giữ: 5.000.000 CP, chiếm: 26,32 % vốn điều lệ

Mẹ: Lưu Lang Phương nắm giữ: 500.000 CP, chiếm: 2,63 % vốn điều lệ

Anh: Trần Tuấn Nghiệp nắm giữ: 1.000.000 CP, chiếm: 5,26% vốn điều lệ

Chị: Trần Uyên Nhân nắm giữ: 500.000 CP, chiếm: 2,63 % vốn điều lệ

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

3. Ông Bùi Quang Hiệp : Giám đốc kinh doanh (xem lý lịch ở phần trên)

4. Ông Phan Văn Dũng : Giám đốc tài chính (xem lý lịch ở phần trên)

12.3. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Khuru Kim Hòa	Trưởng Ban kiểm soát
2.	Nguyễn Văn Bình	Thành viên Ban kiểm soát
3.	Lê Anh Hải	Thành viên Ban kiểm soát

1. Khuru Kim Hòa - Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: **Khuru Kim Hòa**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 16/12/1948

Nơi sinh: TP.HCM

CMND: 020869759, cấp ngày 26/04/1997, nơi cấp: CA TP.HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Hoa

Quê quán: Quảng Đông – Trung Quốc

Địa chỉ thường trú: 243 Đường số 7, phường Bình Trị Đông, Q. Bình Tân, TP.HCM

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 877 00 62 – (08) 877 11 93

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Có kinh nghiệm về lĩnh vực kế toán và cơ khí

Quá trình công tác

+ Từ 1980 – 1985 : Kế toán Tổ Hợp Vĩnh Hợp (sản xuất nam hoa (cắm) xe đạp)

+ Từ 1985 – 1992 : Tổ trưởng Tổ Hợp Nhật Tảo (sản xuất gia công hộp thiết cho xí nghiệp Dược Phẩm Quận 11)

+ Từ 1992 – 1995 : Kế toán công ty TNHH Tam Hòa (kinh doanh thương

	mai sắt thép)
+ Từ 1995 – 1997 :	Quản đốc xưởng ống thép Doanh Nghiệp Tư Nhân Hữu Liên
+ Từ 1997 – 2003 :	Phó giám đốc Doanh nghiệp tư nhân Hữu Liên
+ Từ 2003 – 2005 :	Phó giám đốc Công ty CP Hữu Liên Á Châu
+ Từ 2005 đến nay:	Trưởng ban Kiểm soát Công ty CP Hữu Liên Á Châu
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Trưởng ban Kiểm soát Công ty CP Hữu Liên Á Châu
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số CP nắm giữ (thời điểm 30/08/2008):	120.000 cổ phần, chiếm 0,63% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	120.000 cổ phần, chiếm 0,63% vốn điều lệ
Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo.	
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người có liên quan:	Con: Khuru Thị Thanh Xuân, nắm giữ: 1.000 CP, chiếm 0,0001% vốn điều lệ
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

2. Ông Nguyễn Văn Bình – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên:	Nguyễn Văn Bình
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	20/04/1957
Nơi sinh:	TP. Đà Nẵng
CMND:	020387510, cấp ngày 04/07/2006, nơi cấp: CA. TPHCM

<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Thái Bình
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	62/10 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
<i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>	(0650) 74 88 48
<i>Trình độ văn hóa:</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Thạc sĩ kinh tế
<i>Quá trình công tác</i>	
+ <i>Từ 1975 đến 1977:</i>	Công tác Đoàn Trường Thanh Mỹ Tây, Phường 16, Quận Bình Thạnh
+ <i>Từ 1977 đến 1979:</i>	Nhân viên Sở Công Nghiệp TP. HCM
+ <i>Từ 1979 đến 1983:</i>	Thực hiện Nghĩa vụ quân sự
+ <i>Từ 1983 đến 1986:</i>	Cán bộ KHVT Xí nghiệp Liên hợp Mô tô Xe đạp, TP. HCM
+ <i>Từ 1986 đến 1994:</i>	Phó phòng KHSX Xí nghiệp Liên hợp Mô tô Xe đạp, TP. HCM
+ <i>Từ 1994 đến 2002:</i>	Trưởng phòng KHSXKD Công ty Xe & Máy, TP. HCM
+ <i>Từ 2002 đến 2004:</i>	Chuyên viên Cty XNK Vật tư Kỹ thuật (REXCO), TP. HCM
+ <i>Từ 2004 đến nay:</i>	Phó Tổng giám đốc Cty Cổ phần Thép Nam Kim
+ <i>Từ 4/2008 đến nay:</i>	Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Hữu Liên Á Châu
<i>Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Hữu Liên Á Châu
<i>Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Phó Tổng giám đốc Cty Cổ phần Thép Nam Kim
<i>Số CP nắm giữ (thời điểm 30/08/2008):</i>	Không

+ Đại diện sở hữu: Không

+ Cá nhân sở hữu: Không

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những người có liên quan: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

3. Ông Lê Anh Hải – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **Lê Anh Hải**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 16/03/1973

Nơi sinh: Hà Sơn Bình

CMND : 361434136, cấp ngày 03/03/2006, nơi cấp: CA TP. Cần Thơ

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hà Sơn Bình

Địa chỉ thường trú: 963 Hậu Giang, Chung cư Bình Phú, Lầu 6, Nhà D064, F.11, Q.6 TP.HCM

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 977 07 55

Trình độ văn hóa: 12/12

<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Cử nhân kinh tế
<i>Quá trình công tác</i>	
+ <i>Từ 1995 – 2000:</i>	Điều hành thương mại Cty Liên doanh Sơn Cao Cấp APC
+ <i>Từ 2000 - 2004:</i>	Giám đốc bán hàng khu vực Cty SC. Johnson & Son Việt Nam.
+ <i>Từ 2004 - 2006:</i>	Giám đốc bán hàng vùng Cty Colgate Palmolive Việt Nam
+ <i>Từ 2006 – 05/2007:</i>	Giám đốc bán hàng TP.HCM Cty GlaxoSmithKline.
+ <i>Từ 6/2007 – 9/2007:</i>	Trưởng Phòng nghiên cứu phát triển thị trường Cty CP Hữu Liên Á Châu
+ <i>Từ 9/2007 đến nay:</i>	Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Hữu Liên Á Châu
<i>Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Hữu Liên Á Châu
<i>Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:</i>	Không
<i>Số CP nắm giữ (thời điểm 30/08/2008):</i>	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ <i>Đại diện sở hữu:</i>	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ <i>Cá nhân sở hữu:</i>	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
<i>Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo.</i>	
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	Không

Những người có liên quan: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Các thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao hàng năm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

12.4. Kế toán trưởng

Họ và tên: **Phan Văn Thơm**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 25/10/1976

Nơi sinh: Giồng Trôm, Bến Tre

CMND: 320944324, cấp ngày 22/05/2006, CA Bến Tre

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thuận Điền, Giồng Trôm, Bến Tre.

Địa chỉ thường trú: Thuận Điền, Giồng Trôm, Bến Tre.

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 877 00 62 – (08) 877 11 93

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

+ Từ 2000 - 2003 Kế toán trưởng Công ty XNK Cửu Long

+ Từ 2003 - 2005 Trưởng phòng Kế toán Công ty CP Nam Đô

+ Từ 2005 - 2006 Kế toán trưởng Công ty TNHH Xây Dựng AMỹ

+ Từ 2006 đến nay Kế toán trưởng Công ty CP Hữu Liên Á Châu

Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng Công ty CP Hữu Liên Á Châu

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số CP nắm giữ (thời điểm 30/08/2008): 7.600 cổ phần, chiếm 0,04 % vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 7.600 cổ phần, chiếm 0,04 % vốn điều lệ

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những người có liên quan: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

13. Tài sản

Bảng: Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2008

ĐVT: VNĐ

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	18.435.894.820	16.786.667.041	91,05%
2	Máy móc thiết bị	119.638.910.256	77.212.779.713	64,54%
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	14.145.343.305	9.092.949.993	64,28%
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	2.446.032.624	1.492.755.492	61,03%
5	Tài sản cố định hữu hình khác	827.997.991	644.744.095	77,86%
	Cộng	155.494.178.996	105.229.896.334	67,67%

Nguồn: BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2008

Bảng: Giá trị tài sản vô hình theo báo cáo tài chính tại thời điểm tại thời điểm 30/06/2008

ĐVT: VNĐ

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
1	Quyền sử dụng đất	75.313.047.373	73.724.422.904	97,89%
2	Phần mềm vi tính	94.650.990	94.650.990	100%
	Cộng	75.407.698.363	73.819.073.894	97,89%

Nguồn: BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2008

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong 2008 - 2010

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2007, doanh thu thuần đạt gần 1.032 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 49,21 tỷ đồng, cùng với tình hình phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong những năm tới, triển vọng phát triển của ngành và căn cứ điểm mạnh, điểm yếu cũng như vị thế của Công ty trong ngành và trên thị trường, căn cứ dự báo nhu cầu tiêu thụ thép và sản phẩm từ thép trong các năm 2008, 2009, 2010, căn cứ sự biến động giá cả của các yếu tố đầu vào như: giá nguyên vật liệu cho sản xuất, giá xăng dầu. Công ty đã đưa ra kế hoạch lợi nhuận, cổ tức cho năm 2008 và 2 năm tiếp theo 2009, 2010 theo bảng dưới đây:

Bảng: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong 2008 – 2010:

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		Năm 2010	
	Kế hoạch	(%) tăng giảm so với 2007	Kế hoạch	(%) tăng giảm so với 2008	Kế hoạch	(%) tăng giảm so với 2009
Vốn chủ sở hữu	323.163	18,01%	497.297	53,88%	648.727	30,45%
Vốn điều lệ	190.000	3,83%	250.000	31,58%	300.000	20,00%
Doanh thu thuần	1.174.000	13,76%	1.338.000	13,97%	1.550.000	15,84%
Lợi nhuận sau thuế	51.840	53,69	60.264	16,25%	69.408	15,17%
LN sau thuế/doanh thu thuần	4,42%	34,76%	4,50%	2,00%	4,48%	-0,44%
LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	16,04%	29,67%	12,12%	-24,44%	10,70%	-11,71%
Tỷ lệ trả cổ tức/Vốn điều lệ (%)	15%	50,0%	15%	0%	15%	0%

Nguồn: Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008, Công ty triển khai dự án đầu tư sau:

Trong năm 2008 sẽ triển khai di dời nhà máy và xây dựng Khu phức hợp Hữu Liên Á Châu (trung tâm thương mại – căn hộ Tân Tạo) bao gồm khu dân cư, trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê được xây dựng trên nền đất nhà máy hiện hữu. Các thông tin về dự án:

- Quy mô đầu tư: Diện tích lô đất: 60.269 m²; diện tích đất xây dựng: 15.773 m²; tổng diện tích sàn xây dựng: 262.681 m²; chiều cao tầng: 20 tầng; tổng số người ở dự kiến: 7.200 người; tổng số căn hộ: 1.800 căn hộ. Tổng vốn đầu tư ước tính: 2.425.779 triệu đồng, trong đó: Vốn tự có (chiếm 20% vốn đầu tư): 490.969 triệu đồng, Vốn khác (chiếm 80% vốn đầu tư): 1.934.810 triệu đồng.
- Dự án Khu phức hợp Hữu Liên Á Châu sẽ chia ra thành 6 block (khối) và dự kiến bắt đầu xây dựng vào quý 1 năm 2010 và kết thúc vào quý 4 năm 2016.
- Rủi ro:
 - Rủi ro trong kinh doanh: *Công ty phải cạnh tranh gay gắt với nhiều đối thủ chuyên nghiệp, có nhiều kinh nghiệm và tiềm lực tài chính mạnh*: Sau khi Chính phủ có chính sách hạn chế và siết chặt cho vay bất động sản làm thị trường bất động sản gần như đóng băng, dẫn đến nhiều doanh nghiệp kinh doanh bất động sản điêu đứng, áp lực về nguồn vốn gia tăng. Mặt khác, lãi suất cho vay, tài trợ các dự án bất động sản tăng cao đã làm việc triển khai các dự án trì trệ, đẩy các doanh nghiệp vào tình thế khó khăn và nhiều doanh nghiệp kinh doanh bất động sản phải sang nhượng dự án một phần hoặc toàn phần hoặc liên doanh liên kết với các doanh nghiệp khác. Trong 9 tháng năm 2008, một lượng vốn lớn FDI đã đổ vào Việt Nam; trong đó khoảng 50% được đầu tư vào bất động sản chiếm khoảng trên 27 tỷ đô la Mỹ. Nếu trong vòng một hoặc hai năm nữa thị trường ổn định trở lại, lượng giải ngân cho dòng vốn trên được thực hiện và nguồn hàng được ghim hoặc chờ “thời” được tung ra thì nguồn cung bất động sản sẽ nhiều hơn.
 - Rủi ro về tài chính: Khi các yếu tố lãi vay, giá vật liệu, tỷ giá và giá bán biến động, sẽ gây rủi ro cho việc triển khai dự án.
 - Rủi ro về mặt chính sách: Hệ thống pháp luật Việt Nam về xây dựng và kinh doanh bất động sản còn chưa đồng bộ, nhất quán, các văn bản hướng dẫn chưa đầy đủ, thiếu tính cập nhật và còn chồng chéo, việc áp dụng pháp luật vào thực tế còn nhiều bất cập, tính thực thi chưa cao. Do vậy, nếu có sự thay đổi nào trong các quy định của những văn bản pháp luật trên sẽ ảnh hưởng đến tiến độ dự án cũng như kinh doanh sản phẩm của dự án.

- Thuận lợi:
 - Thương hiệu 30 năm Hữu Liên Á Châu “Tín danh ngành thép” là một trong những doanh nghiệp sản xuất ống thép inox hàng đầu Việt Nam, dựa vào uy tín và chất lượng sản phẩm của Công ty trong cũng như ngoài nước, Công ty cam kết thực hiện dự án với chất lượng và dịch vụ tốt nhất, như đã thực hiện và được tín nhiệm của khách hàng trong ngành sắt thép 30 năm qua.
 - Với diện tích khá lớn 60.269 m², việc này tạo nhiều thuận lợi trong phân kỳ đầu tư cũng như phân bổ nguồn vốn hợp lý, có hiệu quả. Với 6 block riêng biệt cũng rất dễ dàng huy động nguồn vốn bằng hình thức chuyển nhượng hoặc liên doanh từng phần hoặc toàn phần.
 - Vị trí dự án nằm trên hai trục đường chính kết nối ra quốc lộ 1A, Gần Siêu thị, Metro, gần vòng xoay An Lạc liên kết với đại lộ Đông Tây kết nối với Quận 1 và Thủ Thiêm.
 - Tận dụng những lợi thế do những định hướng không tốt của các chủ đầu tư trước đã phân tập trung vào thị trường cao cấp, đặt kỳ vọng quá cao và khả năng mua của khách hàng. Phân khúc thị trường cho người có thu nhập trung bình và trung bình khá rất lớn đã bị bỏ ngỏ trong thời gian qua, Công ty sẽ tận dụng và khai thác triệt để thị trường này.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Căn cứ việc triển khai đầu tư dự án nâng công suất ống thép đen trong năm 2007 của Công ty nhằm tăng công suất khoảng 25% so với công suất hiện tại, vì vậy, doanh thu và lợi nhuận sẽ tăng tương ứng trong năm 2008. Tuy nhiên, sự biến động của nguồn nguyên liệu đầu vào và thị trường tiêu thụ có thể ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Công ty duy trì tỷ lệ cổ tức 15%/vốn điều lệ trong năm 2008. Đây là tỷ lệ cổ tức mà Công ty có khả năng chi trả nếu không có những biến động lớn làm ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của Công ty. Với tỷ lệ cổ tức này Công ty phải sử dụng trung bình khoảng 60% lợi nhuận sau thuế, phần lợi nhuận còn lại Công ty sẽ dùng bổ sung các quỹ và bổ sung nguồn vốn kinh doanh. Đây cũng là chính sách phù hợp với định hướng phát triển của Công ty cũng như đảm bảo lợi ích của cổ đông.

Thực hiện kế hoạch gia tăng sản lượng ống thép đen, năm 2008 Công ty HLAC đã đầu tư thêm 4 dây chuyền sản xuất ống thép công nghệ cao, nâng tổng năng suất ống thép đen lên 7.000 tấn/tháng (hoàn thành vào tháng 6/2008). Công ty cũng đã đầu tư thêm 3 lò ủ, nâng tổng sản lượng thép cuộn lên 3.000 tấn/tháng (hoàn thành vào tháng 7/2008). Ngoài ra, Công ty cũng bắt đầu triển khai kế hoạch đầu tư Khu phức hợp Hữu Liên Á Châu với bước đầu là thành lập Công

ty cổ phần đầu tư Hữu Liên vào ngày 15/07/2008. Các dự án này khi đi vào hoạt động sẽ góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Với tư cách là tổ chức tư vấn chứng khoán chuyên nghiệp, công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (SBS) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra đánh giá dự báo về tình hình kinh doanh của Công ty. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh đến doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận và chi trả cổ tức của Công ty từ năm 2008 - 2010 là phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất của Công ty. Chúng tôi cũng cho rằng kế hoạch tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức của Công ty là hợp lý, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai. Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán:

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá:

10.000 VNĐ

3. Tổng số chứng khoán niêm yết:

19.000.000 cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

Cổ đông sáng lập: do Công ty được thành lập từ năm 2001 nên theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, các cổ phiếu của cổ đông sáng lập không còn bị hạn chế quyền chuyển nhượng.

Cổ đông chủ chốt (thành viên HĐQT, BTGD, BKS, KTT): 7.327.600 cổ phần chiếm 38,57% tổng vốn điều lệ, cam kết nắm giữ 100% trong 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% trong 6 tháng tiếp theo.

DANH MỤC	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG
Hội đồng quản trị	6.200.000
Ban Tổng giám đốc	1.000.000
Ban Kiểm soát	120.000
Kế toán trưởng	7.600
Tổng cộng	7.327.600

Căn cứ các Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần cho các cổ đông chiến lược, các cổ đông bị hạn chế chuyển nhượng như sau:

TÊN CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG	ĐKKD	THỜI GIAN CAM KẾT NẮM GIỮ
Công ty CP Đầu tư tài chính BIDV	750.000	0103015899	Cam kết nắm giữ 100% trong 02 năm kể từ ngày 18/10/2007.
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	700.000	059002	Cam kết nắm giữ 100% trong thời gian tối thiểu là 03 năm kể từ ngày 17/08/2007.
	300.000		Cam kết nắm giữ 100% trong thời gian tối thiểu là 03 năm kể từ ngày 18/08/2007.
Công ty CP Chứng khoán Trảng An	150.000	0103015160	Cam kết nắm giữ 100% trong thời gian tối thiểu là 2 năm kể từ ngày 18/12/2007.
Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB)	250.000	4103001562	Cam kết nắm giữ 100% trong 2 năm kể từ ngày 17/12/2007.
Công ty TNHH	300.000	4802000598	Cam kết chỉ chuyển nhượng tối

TÊN CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG	ĐKKD	THỜI GIAN CAM KẾT NĂM GIỮ
Minh Phát			đa 50% sau 2 tháng khi cổ phiếu được niêm yết chính thức và 50% còn lại cam kết nắm giữ tối thiểu là 2 năm kể từ ngày 05/01/2008.
Tổng cộng:	2.450.000		

5. Phương pháp tính giá:

Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (SBS) xác định giá niêm yết dự kiến dựa trên cơ sở đánh giá tiềm năng phát triển của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu trong những năm tới. Công ty đã xây dựng kế hoạch doanh thu, lợi nhuận trên cơ sở thận trọng, căn cứ vào xu hướng thị trường và khả năng nội tại của công ty.

Trên cơ sở đó, SBS đã thực hiện nhiều phương pháp định giá để xác định giá trị cổ phiếu của Công ty cổ phần Hữu Liên Á Châu như chiết khấu dòng tiền và chỉ số so sánh. Tuy nhiên, trong tình hình thị trường biến động như hiện nay, đặc biệt là lạm phát tăng cao và lãi suất không ổn định, SBS nhận thấy phương pháp P/E là hợp lý nhất và có thể chấp nhận được trong thị trường hiện nay.

Tính đến cuối tháng 8/2008, ngành sản xuất thép – vật liệu kim khí có các đại diện đã được niêm yết trên sàn HOSE như SMC, VIS, HMC. Hiện nay, các công ty trên có P/E dao động từ 5,6 – 12,4 thấp hơn nhiều so với P/E trung bình của các công ty trên vào thời điểm cuối năm 2007 là 21-22 (theo tính toán của SBS).

Đvt: triệu đồng

Tính đến 30/06/2008	SMC	VIS	HMC
Vốn điều lệ	109.943	150.000	210.000
Doanh thu thuần	2.277.945	1.099.165	2.924.097
Lợi nhuận ròng	40.733	39.143	45.834
Vốn chủ sở hữu	243.562	195.597	289.566
Số lượng cổ phần đang lưu hành (CP)	10.990.059	15.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phần bình quân (CP)	10.191.255	14.699.484	18.289.106
EPS (*) (đồng)	6.770	3.340	4.200
P/E (tại thời điểm 30/06/2008)	4,87	11,13	5,74
Giá giao dịch (03/09/2008) (đồng)	38.000	41.300	29.500
P/E (**)	5,61	12,37	7,02

(*) theo công bố của HOSE trên bản tin thị trường (ngày 12/09/2008) cho giai đoạn 01/07/2007-30/06/2008

(**) theo tính toán của SBS tại thời điểm 03/09/2008

P/E trung bình của các công ty trên trong giai đoạn từ 01/07/2007 đến 30/06/2008 là khá thấp (4,87-11,13) do thị trường chứng khoán suy giảm mạnh. Tuy nhiên, trong quý 3/2008, khi mà thị trường đã có dấu hiệu phục hồi và có xu hướng đi lên, chỉ số P/E trung bình ngành đã cải thiện đáng kể. Xét trên quy mô vốn cổ phần và đặc điểm hoạt động kinh doanh thì 2 công ty VIS và HMC là tham chiếu tốt nhất để xác định chỉ số P/E so sánh cho Công ty cổ phần Hữu Liên Á Châu. Như vậy, chỉ số P/E được đề nghị tại thời điểm này trung bình là 9,6 – được xem là khá thận trọng so với trung bình 9,7 của 2 công ty VIS và HMC.

Kế hoạch lợi nhuận của Hữu Liên Á Châu là trong năm 2008 sẽ đạt được 51,84 tỷ đồng và EPS ước tính năm 2008 là 2.730 đồng/cổ phần. Giá trị một cổ phiếu tại thời điểm niêm yết dự kiến được xác định như sau:

$$P = P/E * EPS (2008) = 26.208 \text{ (đồng)}$$

Mức giá đề nghị niêm yết dự kiến cho cổ phiếu Công ty cổ phần Hữu Liên Á Châu là **26.500 đồng/cổ phần**.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Khi niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo các quy định hiện hành của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Số lượng cổ phiếu do người nước ngoài nắm giữ tại thời điểm: 30/08/2008 là: 53.000 CP chiếm tỷ lệ 0,28% vốn điều lệ.

Theo Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/09/2005 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam và thông tư 90/2005/TT-BTC ngày 17/10/2005 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định số 238/QĐ-TTg, tổ chức cá nhân nước ngoài mua bán chứng khoán trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của một tổ chức niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài có thể thay đổi theo các quy định của pháp luật tại thời điểm tương ứng.

7. Các loại thuế có liên quan

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành với thuế suất là 28%.
- Thông tư số 100/2004/TT-BTC cũng quy định nhà đầu tư cá nhân không phải đóng thuế trên chênh lệch giá khi bán cổ phiếu. Nhà đầu tư là tổ chức có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

$\text{Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu} = \text{Thu nhập chịu thuế} * \text{Thuế suất}$

- Thuế GTGT: Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

- Theo Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính về thuế giá trị gia tăng (GTGT) có hướng dẫn:
 - Chuyển quyền sử dụng đất là đối tượng không thuộc diện chịu thuế GTGT.
 - Mức thuế suất GTGT 10% đối với hàng hóa, dịch vụ: “Nhà, cơ sở hạ tầng do các cơ sở được Nhà nước giao đất, cho thuê để đầu tư xây dựng nhà, cơ sở hạ tầng để bán hoặc chuyển nhượng”.
- Các loại thuế khác được nộp theo quy định hiện hành.
- Theo thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thuế GTGT và thuế thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán trên lãnh thổ Việt Nam:
 - Các tổ chức, cá nhân đầu tư được miễn thuế thu nhập cá nhân và thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập từ cổ tức được nhận.
 - Các cá nhân đầu tư sẽ được miễn thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập từ việc đầu tư vào cổ phần của doanh nghiệp niêm yết.
 - Tổ chức đầu tư trong và ngoài nước có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp từ việc mua, bán cổ phiếu của doanh nghiệp niêm yết.
 - Tổ chức đầu tư nước ngoài không đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

Trụ sở chính : Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ, P. Đakao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (08) 8 275 026
Fax : (08) 8 275 027
Email : dtlco@horwathdtl.com.vn
Web : www.horwathdtl.com

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

Trụ sở chính : 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Tp. HCM
Điện thoại : (08) 2 26 26 26
Fax : (08) 2 55 59 57
Email : info@sbsc.com.vn
Web : www.sbsc.com.vn

VII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. **Phụ lục II:** Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.
3. **Phụ lục III:** Điều lệ Công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
4. **Phụ lục IV:** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2006, kiểm toán năm 2007, kiểm toán hợp nhất năm 2007 và hợp nhất quý I, quý II năm 2008.
5. **Phụ lục V:** Báo cáo Nguồn vốn kinh doanh của chủ sở hữu đã được kiểm toán đến 31/01/2008.
6. **Phụ lục VI:** Cam kết của Công ty về điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 10 năm 2008

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN XẢO CƠ

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN TUẤN NGHIỆP



KHUU KIM HÒA



PHAN VĂN THƠM

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG
SÀI GÒN THƯƠNG TÍN (SBS)**

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HỒ NAM